

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020





MỤC LỤC

Thông điệp từ Chủ tịch HĐQT 4

Thông điệp từ Tổng giám đốc 5

TỔNG QUAN TVS 7

Tổng quan về TVS

Các chỉ số tài chính nổi bật

Chặng đường phát triển

Ngành nghề kinh doanh

Cơ cấu tổ chức

Định hướng phát triển

Quản trị rủi ro

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2020 25

Tổng quan thị trường Việt Nam 2020

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cơ cấu cổ đông

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI 38

Đối với cộng đồng

Đối với nhân sự

TẦM NHÌN 2021 41

Tầm nhìn tổng thể

Theo từng bộ phận

ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ 47

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Ban giám đốc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 56

THÔNGIỆP TỪ CHỦ TỊCH HĐQT



Chủ tịch Nguyễn Trung Hà

Kính gửi Quý cổ đông,

Năm 2020 được ghi nhận là một năm lịch sử đầy thách thức cho cả thế giới. Covid-19 đã gây ra những tác hại nặng nề về thể chất, tinh thần, kinh tế và để lại những ảnh hưởng lâu dài chưa thể xác định được hết. Việt Nam là một trong những quốc gia kiểm soát dịch tốt trên thế giới khi Chính Phủ ban hành các chính sách phòng chống đại dịch hiệu quả, đặc biệt là chiến lược theo dõi và truy tìm giúp nhanh chóng ngăn chặn sự lây lan của virus trong ba đợt bùng dịch. Nhờ các chính sách này, chúng ta được tự do đi lại và hoạt động kinh doanh ít chịu ảnh hưởng hơn nhiều so với các công ty cùng ngành ở quốc gia khác. Tuy nhiên, nền kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng chậm lại ở mức + 2,9% trong năm 2020 so với tốc độ tăng 7,0% vào năm 2019 và thị trường chứng khoán cũng bị ảnh hưởng khi chỉ số VN-Index trải qua đợt bán mạnh trước khi phục hồi mạnh mẽ vào cuối năm. Kết thúc năm, chỉ số VN-Index tăng 14,9%, với giao dịch trung bình mỗi ngày là 6.450 tỷ đồng (+ 56,3% so với năm 2019). Chúng tôi kỳ vọng rằng thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ tăng trưởng tốt hơn vào năm 2021 khi nền kinh tế thế giới tiếp tục được phục hồi.

Nhận thấy rằng thành công lâu dài của doanh nghiệp phụ thuộc vào sự đóng góp của tất cả cổ đông, chúng tôi luôn đặt cổ đông làm trọng tâm trong quá trình ra quyết định và duy trì sự tương tác với họ. Nhằm đảm bảo sự công bằng giữa cổ đông và ban điều hành, chúng tôi luôn nỗ lực duy trì sự cân bằng giữa chế độ lương thưởng và phúc lợi của ban lãnh đạo công ty và lợi ích của cổ đông. Tôi tin rằng nhân viên TVS sẵn lòng được tham gia và trở thành một phần cốt lõi trong câu chuyện phát triển dài hạn của công ty.

Vào đầu năm 2021, chúng tôi vui mừng chào đón Phó Chủ tịch thứ hai, ông Terrence Ting, gia nhập hội đồng quản trị. Ông Terrence, với kiến thức sâu rộng và kinh nghiệm làm việc phong phú trong lĩnh vực đầu tư, sẽ dẫn dắt đội ngũ TVS phát triển mở rộng mảng đầu tư tư nhân trong giai đoạn phát triển đầu của doanh nghiệp nhằm củng cố hơn nữa vị thế của TVS với tư cách là doanh nghiệp dẫn đầu trong nước về lĩnh vực Công nghệ, đặc biệt là mảng Công nghệ tài chính. Tôi rất tự hào về sự làm việc chăm chỉ và cống hiến từ Ban giám đốc và nhân viên trong năm nay và muốn nhân cơ hội này để cảm ơn vì sự nỗ lực và cam kết của họ. TVS mong muốn tiếp tục những hành động và công việc tốt đẹp này trong tương lai.

Tôi tin rằng năm 2021 sẽ là một năm đầy thách thức khi thế giới tiếp tục cuộc chiến với đại dịch Covid-19, nhưng tôi lạc quan rằng công ty đã vượt qua giai đoạn khó khăn và nền kinh tế Việt Nam tiếp tục được phục hồi. TVS vẫn duy trì chiến lược của mình và tin rằng chúng tôi đang có vị thế vững vàng để phát triển mở rộng hoạt động trong tương lai. Trọng tâm của chúng tôi vẫn nhất quán khi công ty tiếp tục đầu tư lĩnh vực kinh doanh Ngân hàng đầu tư và Quản lý tài sản, đồng thời xây dựng các khối kinh doanh khác ngày càng vững mạnh hơn. Với nỗ lực đầu tư có kỷ luật và điều kiện kinh tế và thị trường chứng khoán thuận lợi, chúng tôi kỳ vọng danh mục đầu tư và các quỹ của TVAM sẽ tăng trưởng trên 20% vào năm 2021.

THÔNGIỆP TỪ TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính gửi Quý cổ đông,

Nhắc đến 2020, chúng tôi không thể phủ nhận ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 lên nền kinh tế và thị trường chứng khoán của thế giới. Mặc dù Việt Nam không bị ảnh hưởng nặng nề như các nước khác, đại dịch vẫn tác động ít nhiều và buộc chúng tôi phải linh hoạt để điều chỉnh chiến lược kinh doanh của mình. Mô hình kinh doanh đa dạng và đội ngũ năng động đã giúp chúng tôi tìm được các cơ hội để vượt qua những thách thức trong năm 2020.

Sự may mắn và hệ thống quản trị rủi ro vững chắc đã giúp chúng tôi vượt qua những thách thức đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến nhiều doanh nghiệp. Hơn nữa, nhờ có kế hoạch kinh doanh, đại dịch đã không làm sự gián đoạn đến hoạt động kinh doanh của chúng tôi.

Bên cạnh đó, Covid-19 cũng tạo ra những thách thức nhất định đến hoạt động kinh doanh cốt lõi của TVS, đặc biệt là khối Ngân hàng đầu tư và khối Môi giới khách hàng tổ chức. Một số thương vụ đã bị tạm dừng hoặc bị hủy bỏ khi các nhà đầu tư quốc tế không thể đến Việt Nam để thực hiện các thẩm định cần thiết hoặc quyết định không đầu tư trong thời điểm nền kinh tế bất ổn. Dù vậy, ngành chứng khoán nói chung và công ty nói riêng đã có một năm tương đối thành công.

Được thúc đẩy bởi môi trường lãi suất tích cực, khối Quản lý nguồn vốn chúng tôi hoạt động đặc biệt tốt hơn so với các mảng kinh doanh khác; doanh thu tăng 65% và lợi nhuận tăng 2,8 lần so với cùng kỳ. Tuy nhiên, vì môi trường lãi suất năm 2020 khá đặc biệt, chúng tôi dự đoán lợi nhuận năm 2021 sẽ khiêm tốn hơn so với năm 2020 do có thể có những diễn biến bất lợi hơn về mặt lãi suất.



Tổng giám đốc Nguyễn Thanh Thảo

Với lợi suất dao động từ 32% đến 51% cho các danh mục quản lý đầu tư, khối Quản lý quỹ của chúng tôi đạt kết quả rất tốt so với tăng trưởng của chỉ số VN-Index là 14,9% và các quỹ là 18,8%. Mức tỉ suất sinh lời tuyệt đối trong số các quỹ chúng tôi quản lý là 51.3%, đây là mức sinh lời cao nhất trong lịch sử từ lúc thành lập quỹ. Thành công này có được là nhờ vào sự dẫn dắt của Hội đồng đầu tư cũng như năng lực của nhóm quản lý danh mục trong việc tìm ra các công ty có mức tăng trưởng cơ bản vững chắc và bền vững, cũng như năng lực của nhà quản lý quỹ trong việc lựa chọn thời điểm phù hợp và tập trung vào các công ty ít bị ảnh hưởng bởi đại dịch và có hoạt động ổn định. Chúng tôi vô cùng tự hào về những nỗ lực của cả nhóm trong năm 2020 đầy thử thách và biến động này.

TỔNG TÀI SẢN

3.911 tỷ đồng

DOANH THU

635 tỷ đồng

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

288 tỷ đồng

Chúng tôi rất tự hào về những thành tựu mà Momo, một công ty trong danh mục đầu tư của mình, đã đạt được trong năm qua. Đầu năm 2021, MoMo thông báo đã hoàn thành vòng gọi vốn thứ tư (Series D). MoMo cũng đã đạt được kết quả kinh doanh ngoạn mục khi tăng gấp đôi số lượng khách hàng lên 23 triệu tài khoản và tăng tổng lượng giao dịch 3,5 lần lên 14 tỷ USD. Cuối năm 2020, chúng tôi nâng cấp Hệ thống Giao dịch Hợp nhất (UTS), hoàn thành mục tiêu thay thế hệ thống không còn hiệu quả trước đây. Ngoài ra, trong năm 2020, TVS cũng đã hoàn thành việc xây dựng hệ thống thanh toán và giao dịch chứng khoán phái sinh. Các thủ tục đăng ký đang được hoàn thiện với UBCKNN, VSD và HNX và dự kiến sẽ được hoàn tất và sẵn sàng đưa vào hoạt động chính thức vào quý 2/2021.

Năm 2020, chúng tôi đầu tư 20,7 tỷ đồng vào Công ty Cổ phần Giáo dục Galaxy, một công ty con được Galaxy Media & Entertainment thành lập nhằm mang đến nền tảng công nghệ hàng đầu và đạt chuẩn đẳng cấp quốc tế cho ngành giáo dục Việt Nam. Đây là một khoản đầu tư chiến lược phù hợp với lịch sử và chuyên môn của chúng tôi trong việc đầu tư vào lĩnh vực liên quan đến Công nghệ. Chúng tôi kỳ vọng khoản đầu tư này sẽ củng cố hơn nữa vị thế của TVS trong mảng đầu tư tư nhân, đặc biệt là Công nghệ và Công nghệ tài chính tại Việt Nam.

Trong suốt năm 2020 đầy biến động, tôi cảm thấy trân trọng về những nỗ lực mà đội ngũ nhân viên đã thực hiện và muốn cảm ơn họ vì sự cống hiến và lòng trung thành đối với công ty. Tin rằng con người là nguồn lực quý giá nhất, chúng tôi đã chú trọng việc mở rộng đội ngũ trong năm 2020 và sẽ tiếp tục tìm kiếm những nhân tài chất lượng cao vào năm 2021. Bên cạnh đó, chúng tôi không ngừng nỗ lực tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các chương trình đào tạo chuyên nghiệp để phát triển thêm kỹ năng mềm của mình.

Nhìn về tương lai, chúng tôi vẫn giữ chiến lược phát triển khối Ngân hàng đầu tư và Quản lý tài sản. Đối với hoạt động Ngân hàng đầu tư, chúng tôi tập trung vào quỹ đầu tư tư nhân và giúp các khách hàng trong nước thu hút các nhà đầu tư quốc tế phù hợp. Đối với hoạt động Quản lý tài sản, chúng tôi chú trọng việc giới thiệu các quỹ mới trên thị trường cổ phiếu niêm yết và thị trường thu nhập cố định. Chúng tôi tin rằng chiến lược trên sẽ tạo nền tảng vững chắc để chúng tôi phát triển năng lực và đạt được kết quả tốt trong giai đoạn tiếp theo.

TỔNG QUAN TVS



TỔNG QUAN VỀ TVS

Được thành lập vào năm 2007, TVS là một ngân hàng đầu tư độc lập và được cấp phép đầy đủ của Việt Nam, tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế và tận tâm phục vụ nhu cầu của nhiều đối tượng khách hàng. Các dịch vụ tài chính của chúng tôi bao gồm ngân hàng đầu tư, tự doanh, quản lý quỹ (TVAM), khách hàng tổ chức, quản lý nguồn vốn, môi giới và phân tích. TVS đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã “TVS” từ tháng 1/2015.

| | |
|-----------------------|---|
| Tên giao dịch | Công ty cổ phần chứng khoán Thiên Việt |
| Mã cổ phiếu | TVS |
| Vốn điều lệ | 982 tỷ đồng |
| Vốn chủ sở hữu | 1.308 tỷ đồng |
| Website | http://www.tvs.vn |



Trụ sở

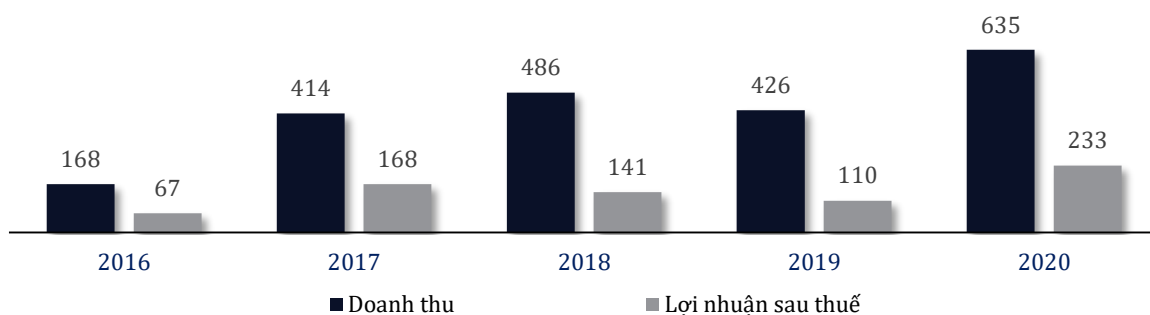
Phòng 402, Tòa nhà TĐL, 22 Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Hà Nội
Số điện thoại: +84 24 3248 4820
Số fax: +84 24 3248 4821

Chi nhánh HCM

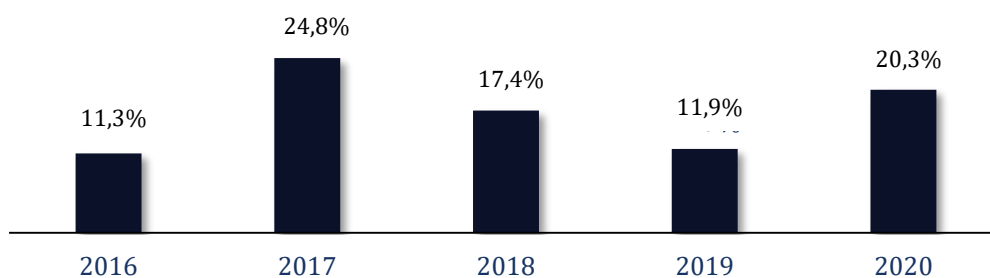
Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long,
63A Võ Văn Tần, Quận 3, Hồ Chí Minh
Số điện thoại: +84 28 6299 2099
Số fax: +84 28 6299 2088

TVS qua các năm

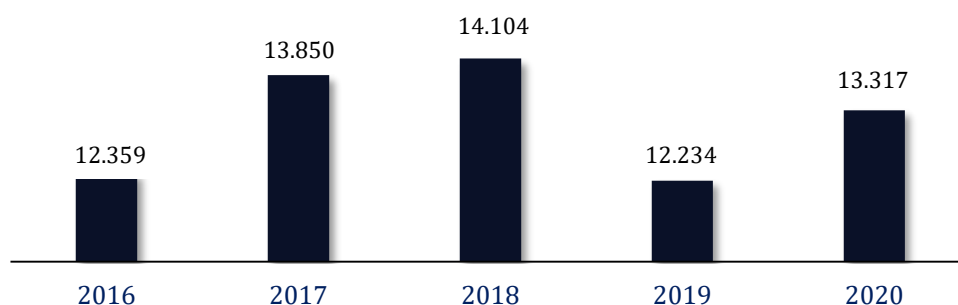
Doanh thu và lợi nhuận (tỷ đồng)



Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (%)



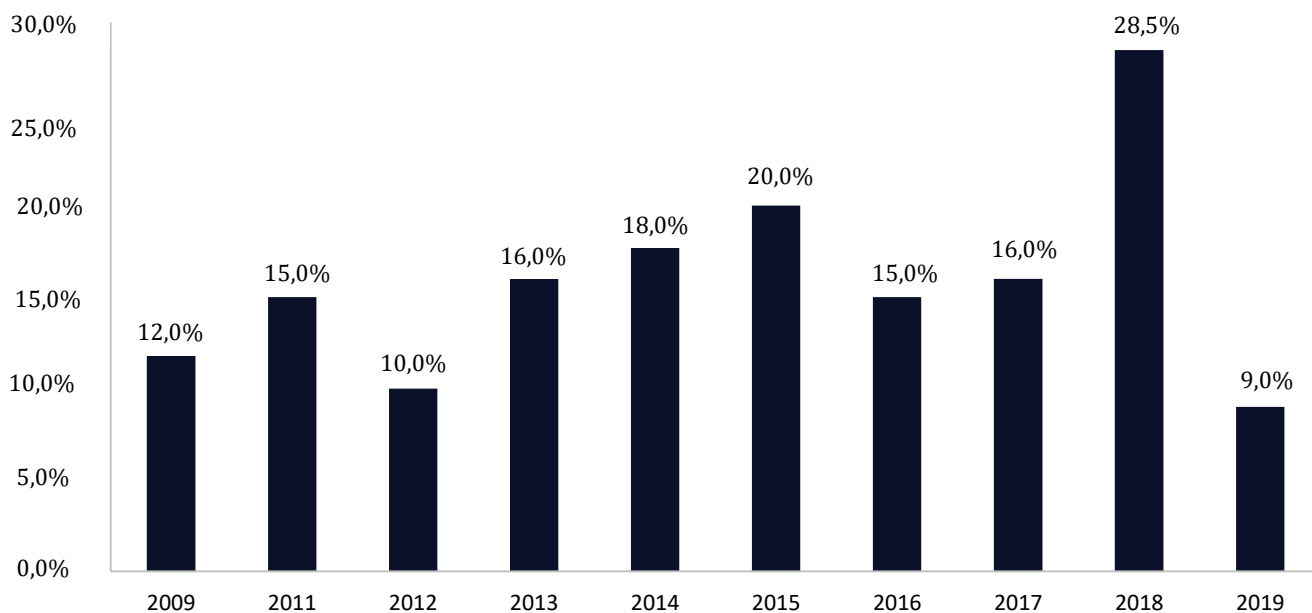
Giá trị sổ sách trên một cổ phần (đồng)



Diễn biến giá cổ phiếu TVS

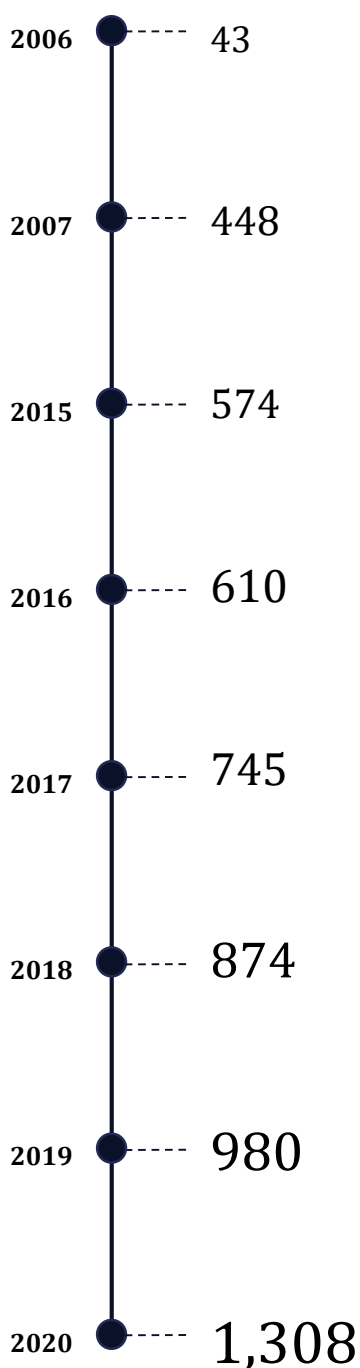


Lịch sử trả cổ tức



CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN

Quy mô vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)



2006
TVS được thành lập tại Hà Nội với vốn điều lệ 36 tỷ đồng

2007
Tăng VDL từ 43 lên 430 tỷ đồng, Chi nhánh TP.HCM được thành lập, đánh dấu sự mở rộng ra các khu vực phía Nam

2010
TVS trở thành ngân hàng đầu tư đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam nhận được tài trợ từ IFC, một thành viên của Ngân hàng Thế giới

2011
TVS giành giải thưởng “**Thương vụ tốt nhất năm**” từ tạp chí The Asset cho thương vụ Diana – Unicharm (TVS là cổ vấn độc quyền cho Diana)

2015
TVS mua 99,2% cổ phần của Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc và thành lập Công ty Quản lý Tài sản Thiên Việt (TVAM)

2016
TVAM huy động quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt (TVGF1) và niêm yết trên HOSE với tổng giá trị 150 tỷ đồng

2017
TVAM huy động quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 2 (TVGF2) với tổng giá trị 170 tỷ đồng

2020
TVS tăng tỷ lệ sở hữu TVAM lên 99,8% và vốn điều lệ của TVAM lên 125 tỷ đồng

Trong hơn 15 năm qua, Quy mô Vốn điều lệ TVS đã không ngừng gia tăng chủ yếu thông qua các đợt phát hành cổ phiếu bằng cổ tức và cổ phiếu thưởng từ nguồn lợi nhuận giữ lại nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh, giúp công ty có thể cung cấp các dịch vụ tốt hơn cho khách hàng trong nước và quốc tế.



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngân hàng đầu tư



Quản lý quỹ



Tự doanh



Môi giới



Quản lý nguồn vốn



Phân tích

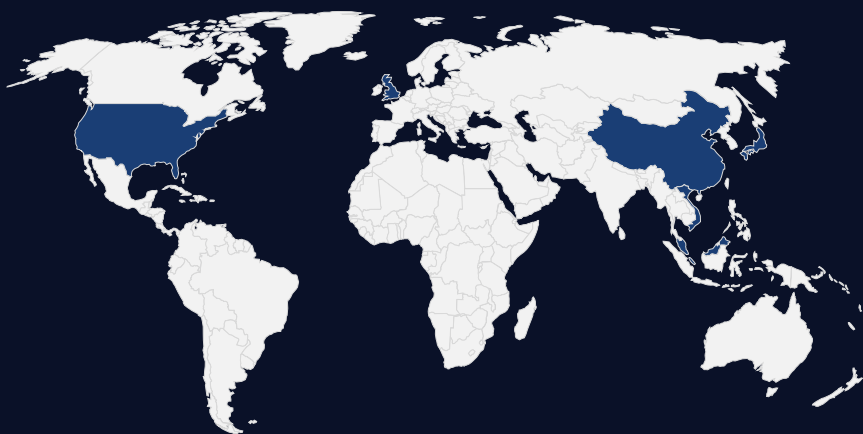


NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Là một trong các hoạt động kinh doanh cốt lõi của công ty, Khối Ngân hàng đầu tư cung cấp nhiều dịch vụ toàn diện, bao gồm huy động vốn (vốn chủ sở hữu và nợ), mua bán và sáp nhập (M&A), tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp và tư vấn thoái vốn. Thông qua việc kiểm tra nghiêm ngặt mô hình kinh doanh, giai đoạn phát triển, cấu trúc vốn và hồ sơ tài chính tổng thể của khách hàng, TVS cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp phù hợp cho khách hàng, bất kể họ đang ở giai đoạn phát triển nào. Chúng tôi tập trung vào các giao dịch mang lại giá trị tốt nhất cho các bên liên quan, bao gồm các giao dịch huy động vốn và M&A có giá trị gia tăng cao trong những lĩnh vực mà khối có nhiều kiến thức chuyên môn.



Mạng lưới hoạt động



Tiêu dùng



Công nghệ



Cơ sở hạ tầng



Bất động sản



Giáo dục



Vận tải



Truyền thông
& giải trí



Dược



Nông nghiệp

Chuyên môn

Thương vụ nổi bật...

2007-2011

Tư vấn cho các cổ đông của Công ty Diana trong việc bán 95% quyền sở hữu cho Tập đoàn Unicharm - Nhật Bản

184 triệu USD

2011-2012

Tư vấn cho các cổ đông trong nước trong việc bán 49% cổ phần của Công ty Cổ phần Nước B.O.O Thủ Đức cho Manila Water Inc. - Philippines

40 triệu USD

41 triệu USD

80 triệu USD

2010-2016

Tư vấn cho Công ty Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CIH) phát hành trái phiếu chuyển đổi cho Đối tác đầu tư Goldman Sachs

2014 - Hiện tại

Tư vấn cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến (MoMo) về khoản đầu tư từ Standard Chartered Private Equity (SCPE) và Ngân hàng Đầu tư Toàn cầu Goldman Sachs

...Thương vụ năm 2020

| | |
|---|---|
| Bên bán | Bên mua |
|  |  |
| 8.65 triệu USD | |
| Phát hành trái phiếu ngành dịch vụ tài chính | |

| | |
|---|---|
| Bên bán | Bên mua |
|  |  |
| Không công bố | |
| Huy động vốn ngành công nghệ | |

| | |
|---|---|
| Bên bán | Bên mua |
|  |  |
| 7 triệu USD | |
| Mua bán & sáp nhập ngành giáo dục | |



QUẢN LÝ QUỸ



THIEN VIET
ASSET MANAGEMENT

“Là một nhà đầu tư giá trị, TVS tập trung vào các doanh nghiệp có tốc độ tăng trưởng bền vững trong dài hạn.”

| | |
|----------------------|--|
| Tên công ty | Công ty quản lý quỹ Thiên Việt |
| Địa chỉ | Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, Quận 3, Hồ Chí Minh |
| Hoạt động kinh doanh | Quản lý quỹ và danh mục đầu tư |
| Vốn điều lệ | 125 tỷ đồng |
| Tỷ lệ sở hữu | 99,84% |

Năm 2015, nhằm tạo cơ hội cho các nhà đầu tư dài hạn tham gia và hưởng lợi từ sự tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam, TVS đã thành lập **Công ty Quản lý Tài sản Thiên Việt (TVAM)**. TVAM cung cấp hai loại dịch vụ: 1) Quản lý quỹ và 2) Quản lý danh mục đầu tư với định hướng đầu tư trung hạn (TVAM nắm giữ cổ phiếu trong danh mục đầu tư trong 1-2 năm). Tổng tài sản đang được quản lý (AUM) do nhóm quản lý đạt khoảng 672 tỷ đồng vào đầu năm 2020 và đạt 1.464 tỷ đồng cuối năm 2020, trong đó 438 tỷ đồng là quỹ đóng và 1.026 tỷ đồng trong danh mục đầu tư.

TỰ DOANH



Hội đồng đầu tư và Khối Tự doanh của TVS bao gồm các doanh nhân và chuyên gia kỳ cựu trong ngành, mỗi người đều có **hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và đầu tư**.

Chúng tôi thực hiện đầu tư dựa trên nguyên tắc được đưa ra bởi Hội đồng đầu tư và kinh nghiệm thực tiễn của nhóm đầu tư. Nhờ **chiến lược đầu tư giá trị**, AUM của TVS đã ít bị ảnh hưởng bởi sự biến động của thị trường cận biên như Việt Nam.

Nhờ định hướng đầu tư vào các công ty có 70% doanh thu đến từ hoạt động kinh doanh chính, tỷ suất lợi nhuận khối Tự doanh đã tăng trưởng trung bình 22,6% trong 5 năm qua .

Một số danh mục đầu tư



Khách hàng tổ chức

TVS tái lập Khối Khách hàng tổ chức (ICG) vào đầu năm 2019 với mục tiêu phục vụ các Khách hàng Tổ chức quan tâm đến đầu tư tại Việt Nam. Trọng tâm chính của ICG là cung cấp dịch vụ môi giới và nghiên cứu cho các quỹ nước ngoài, đồng thời phục vụ các văn phòng gia đình và các tổ chức địa phương.

+30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực **Giao dịch**, có kiến thức và kinh nghiệm dày dặn trong việc hoàn thành các giao dịch lớn ngoài thị trường

+25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực **Phân tích**, chuyên cung cấp các nghiên cứu về các công ty niêm yết hàng đầu của Việt Nam, các chủ đề cụ thể của ngành và môi trường kinh tế vĩ mô

Khách hàng cá nhân

Khối Khách hàng cá nhân cung cấp dịch vụ môi giới cho các khách hàng cá nhân trong nước. Khối hỗ trợ các khách hàng trong nước muốn giao dịch cổ phiếu niêm yết của Việt Nam.

Khối Môi giới tại TVS bao gồm Khách hàng Tổ chức (ICG) và Khách hàng cá nhân

Phân tích

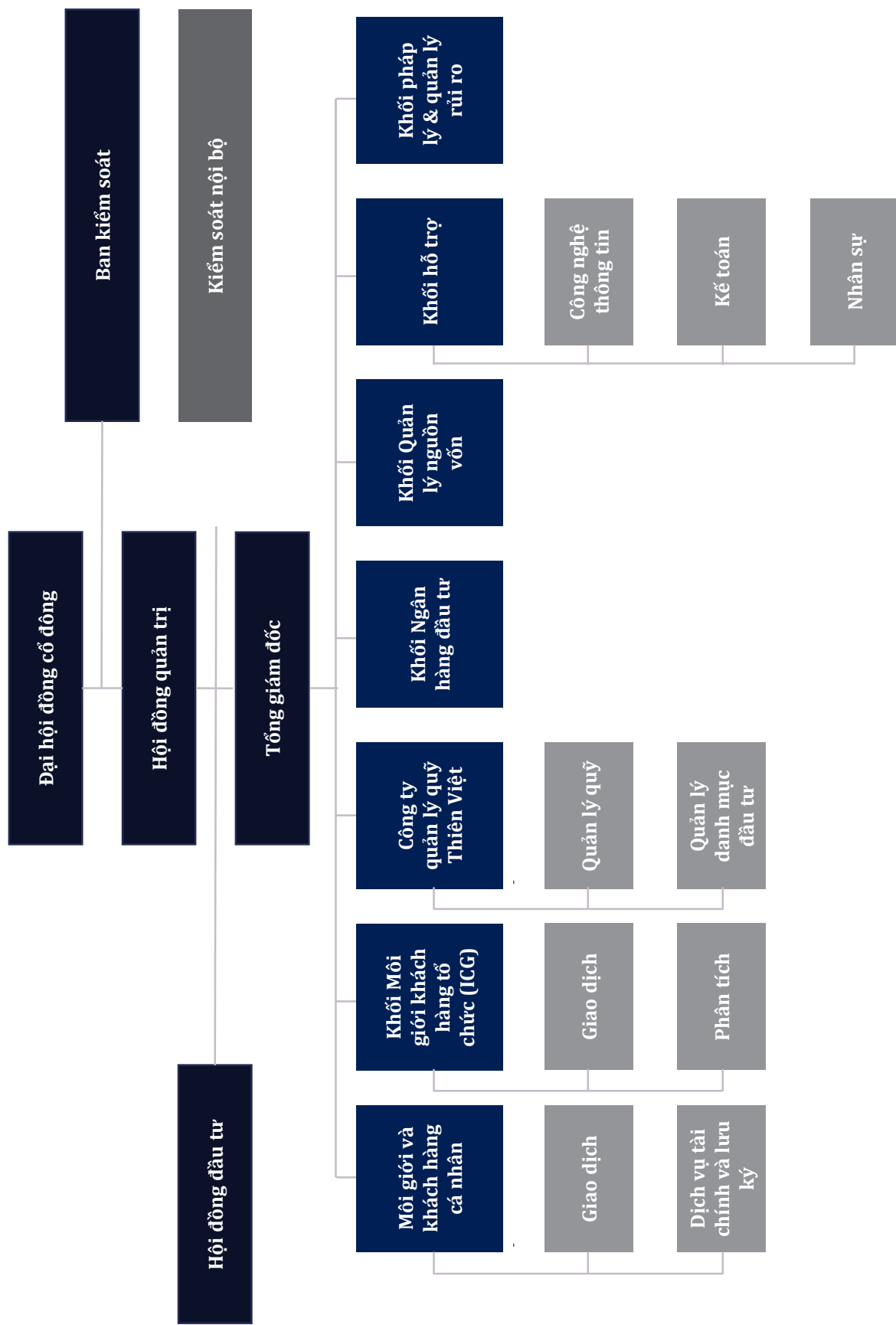
Khối Nghiên cứu cung cấp các sản phẩm nghiên cứu toàn diện, bao gồm báo cáo công ty, ngành, kỹ thuật và báo cáo định kỳ. Đội ngũ Nghiên cứu bao gồm các chuyên viên phân tích có chuyên môn cao về quản lý tài sản, nghiên cứu và ngân hàng đầu tư. Sự đa dạng về chuyên môn giúp TVS không chỉ có tầm nhìn bao quát mà còn hiểu biết sâu sắc về nền kinh tế vĩ mô và triển vọng của các công ty.

Quản lý nguồn vốn

Khối Quản lý nguồn vốn 1) thực hiện đầu tư và giao dịch các công cụ tài chính có thu nhập cố định (hợp đồng tiền gửi và trái phiếu) và 2) cung cấp dịch vụ cho vay ký quỹ và ứng trước.



CƠ CẤU TỔ CHỨC



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Kể từ khi thành lập, chúng tôi đã liên tục mang lại kết quả hoạt động khả quan với ROE bình quân 5 năm ở mức 16,4% và cổ tức ổn định cho cổ đông với mức cổ tức bình quân 14,5% từ 2009. Trong tương lai, chúng tôi sẽ tiếp tục tập trung vào hoạt động kinh doanh Ngân hàng đầu tư và Quản lý quỹ.



Ngân hàng đầu tư

Với 38 giao dịch thành công (tổng trị giá hơn 1 tỷ USD) và đội ngũ cố vấn hùng hậu, TVS tiếp tục tập trung vào các giao dịch mang lại giá trị tốt nhất cho các bên liên quan, bao gồm các giao dịch M&A và huy động vốn có giá trị gia tăng cao trong các ngành mà chúng tôi hiểu rõ như tiêu dùng, cơ sở hạ tầng, dược phẩm và fintech. Khối khách hàng tổ chức (ICG) được thành lập gần đây sẽ tạo ra sự cộng hưởng mạnh mẽ thông qua việc mở rộng mạng lưới khách hàng và cung cấp dịch vụ tốt hơn cho khách hàng hiện tại.



Quản lý quỹ

Tính đến thời điểm hiện tại, AUM của TVS vào khoảng 1.464 tỷ đồng. Là một nhà đầu tư giá trị, TVS thận trọng tìm kiếm các khoản đầu tư nhằm tối đa hóa lợi tức (đã điều chỉnh theo rủi ro) và tập trung vào các doanh nghiệp tốt với mức định giá hợp lý. TVS cố gắng duy trì vị trí của mình trong số 10 quỹ hàng đầu theo hiệu suất đồng thời đa dạng hóa sản phẩm, bao gồm thu nhập cố định, REIT và các sản phẩm tài chính cấu trúc.

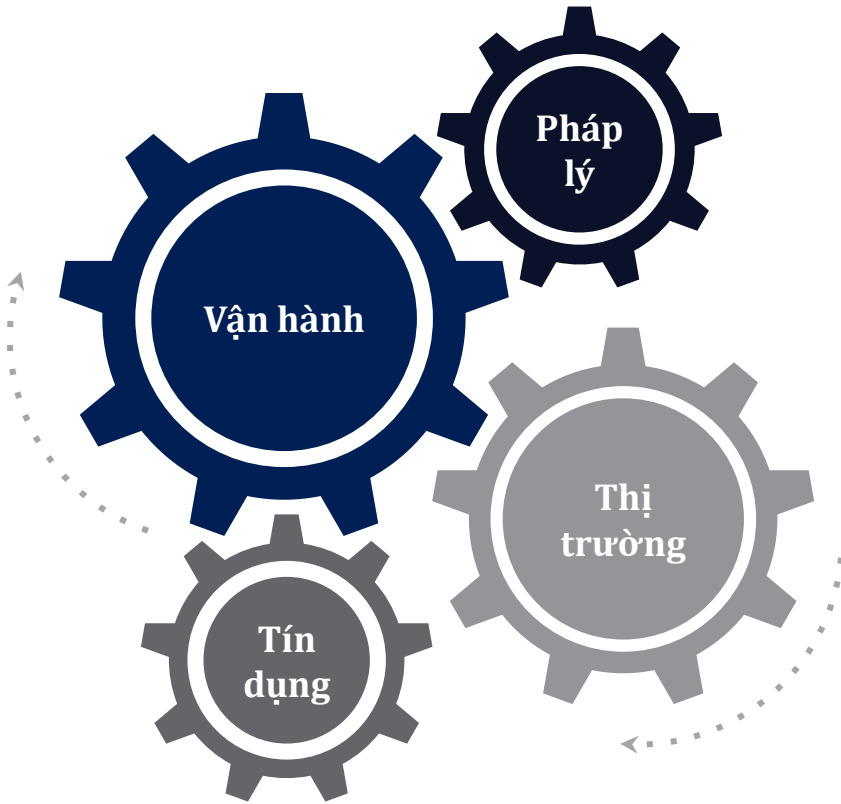


Quản lý nguồn vốn

Để tận dụng tối đa biến động lãi suất, TVS đã xây dựng hoạt động quản lý nguồn vốn từ năm 2016. TVS sẽ tiếp tục đẩy mạnh các giao dịch đầu tư vốn thông qua hình thức chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu, repo, giao dịch hoán đổi lãi suất và các giao dịch cấu trúc đặc biệt khác.

“Chúng tôi chú trọng việc phát triển khối Ngân hàng đầu tư, Quản lý quỹ và Nguồn vốn”
Nguyễn Thanh Thảo, CEO

QUẢN LÝ RỦI RO



Thị trường

Với 50% số vốn được đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, lợi nhuận của TVS chịu ảnh hưởng đáng kể bởi biến động giá cổ phiếu. TVS hạn chế rủi ro thị trường bằng cách chỉ đầu tư vào các cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt trong giai đoạn tăng trưởng, cũng như phân cấp quá trình ra quyết định đầu tư. Ngoài ra, phòng Quản lý rủi ro giám sát việc phê duyệt đầu tư và quản lý các khoản lỗ thông qua hệ thống báo cáo hàng ngày, hàng tuần và hàng tháng.

Tín dụng

Rủi ro tín dụng phát sinh khi khách hàng hoặc đối tác không có khả năng đáp ứng các nghĩa vụ tài chính của họ đối với TVS, chủ yếu đến từ hoạt động cho vay ký quỹ và thanh toán thay cho khách hàng. TVS giảm thiểu rủi ro tín dụng thông qua việc phân tích chặt chẽ chất lượng tài sản và tín dụng của khách hàng dựa trên các tiêu chí thanh khoản của công ty trước khi đưa ra quyết định cho vay. Hội đồng đầu tư phê duyệt các tiêu chí để xác định danh mục chứng khoán ký quỹ.

Pháp lý

Do thị trường vốn của Việt Nam vẫn còn ở giai đoạn sơ khai, hệ thống pháp luật phức tạp hơn và dễ bị thay đổi liên tục, tạo ra những rủi ro pháp lý tiềm ẩn cho công ty. Chúng tôi ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật thông qua việc cập nhật quy định pháp luật thường xuyên.

Môi giới

Rủi ro hoạt động liên quan đến môi giới có nhiều dạng, chẳng hạn như sai sót trong việc đặt lệnh, gian lận của nhân viên, hoặc sự bất ổn về cơ sở hạ tầng công nghệ. Để giảm thiểu những rủi ro này, TVS liên tục cải tiến hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống quản lý rủi ro và thường xuyên tổ chức các buổi đào tạo nội bộ để nâng cao trình độ cho nhân viên.

Tự doanh

Đây là những rủi ro cụ thể liên quan đến tài sản của công ty trong quá trình phân bổ vốn chủ sở hữu. Để giảm thiểu những rủi ro này, TVS áp dụng phương pháp đầu tư giá trị có kỷ luật, đa dạng hóa danh mục đầu tư và thực hiện quy trình thẩm định nghiêm ngặt để chọn cổ phiếu.

Nhân sự

Con người luôn là tài sản được đánh giá cao nhất trong ngành môi giới và ngân hàng đầu tư. Chỉ mới ra đời được 20 năm, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn đang thiếu hụt nguồn lao động có trình độ, đặt ra nhiều thách thức cho sự phát triển của công ty. Để thu hút và giữ chân đội ngũ nhân sự, TVS liên tục duy trì chính sách lương thưởng cạnh tranh và tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp và thân thiện cho các chuyên viên.

Công nghệ

Để thực hiện giao dịch một cách thuận tiện, nhanh chóng và bảo mật, hệ thống CNTT và cơ sở hạ tầng kỹ thuật phải luôn kết nối với các sở giao dịch chứng khoán. Kết nối bị gián đoạn không chỉ gây thiệt hại về tài chính cho TVS và khách hàng mà còn gây nguy hiểm cho danh tiếng của công ty, khó thu hút khách hàng mới. Để hạn chế rủi ro liên quan đến CNTT, TVS chủ động giám sát chặt chẽ các kế hoạch nâng cấp, phát triển CNTT của các cơ quan nhà nước như UBCKNN, VSD. TVS cũng cập nhật hệ thống của mình thường xuyên để đáp ứng các yêu cầu của cơ quan nhà nước về quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật



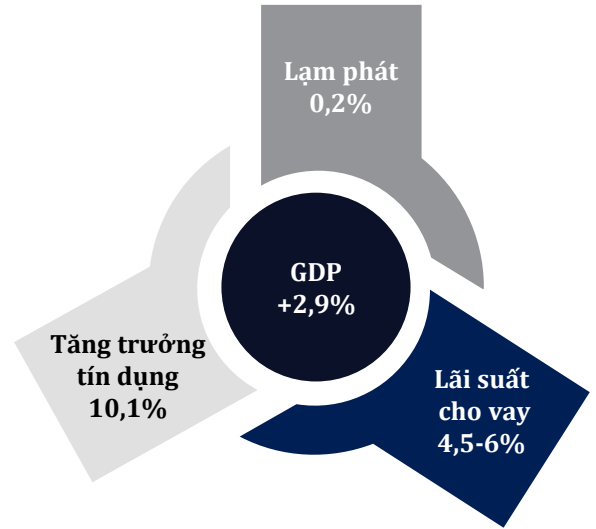


**TÌNH HÌNH HOẠT
ĐỘNG NĂM 2020**

KINH TẾ VĨ MÔ

Năm 2020, Việt Nam ghi nhận tốc độ tăng trưởng GDP thấp nhất trong 10 năm trở lại đây do ảnh hưởng từ Covid-19. Tuy vậy, với nỗ lực tăng GDP 2,9% trong năm đầy biến động, Việt Nam trở thành nền kinh tế phát triển nhanh nhất Đông Nam Á. Chính sự hỗ trợ của chính phủ và dòng vốn đầu tư nước ngoài giúp Việt Nam duy trì mức tăng trưởng dương của nền kinh tế. Chính sách tài khóa với quyết định cắt lãi suất ba lần bởi Ngân hàng nhà nước đã giảm chi phí thực của các khoản vay và khuyến khích đầu tư. Dòng vốn FDI cam kết khoảng 28 tỷ đồng cũng thúc đẩy xuất khẩu và duy trì thặng dư thương mại.

CPI vào cuối năm 2020 chỉ tăng 0,2% so với cùng kỳ năm trước, thấp nhất trong 5 năm vì giá lương thực thực phẩm (rổ tính CPI ~ 33,6%) gần như giữ nguyên với việc tái thiết đàn lợn. Ngoài ra, nhóm giao thông vận chuyển (10% trong rổ tính CPI) thấp hơn 11,7% do nhu cầu và giá xăng dầu thấp.

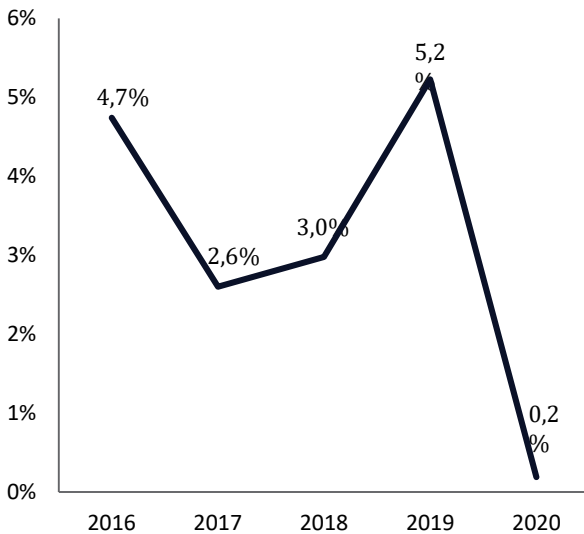


Nguồn: Tổng cục thống kê (GSO), HSX, HNX & Upcom, Bloomberg
*cuối kì

CPI với tốc độ tăng thấp nhất khoảng 0,2% YoY trong 5 năm do mức tiêu dùng thấp

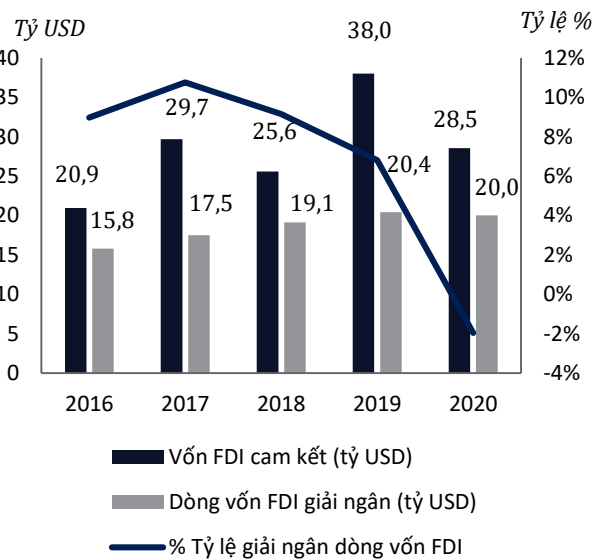
Dòng vốn FDI 28 tỷ USD nhờ vốn cam kết

Tỷ lệ lạm phát Việt Nam (%)



Source: FiinPro, GSO * cuối kì

Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam



Source: Bloomberg, khối Phân tích TVS

THỊ TRƯỜNG CHỨNG

KHOẢN

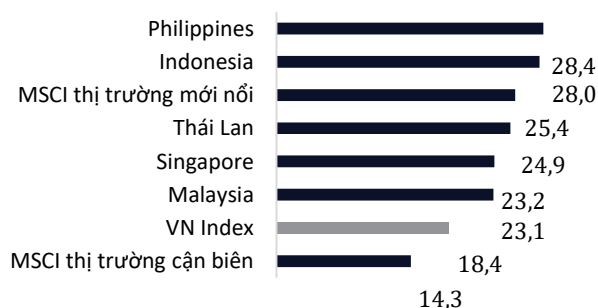
Kết quả hoạt động của VN Index năm 2020



Chỉ số VN-Index đã có sự sụt giảm đáng kể từ 960 điểm vào cuối năm 2019 xuống đáy 659 điểm vào ngày 24/3. Thị trường chứng khoán cũng chứng kiến khối ngoại bán ròng hơn 650 triệu USD trên HSX. Nếu không tính giao dịch VHM (~ 660 triệu USD), khối ngoại đã bán 1.286 triệu USD. VN-Index hồi phục sau vùng đáy và tăng lên 1.103 điểm vào cuối năm 2020, xấp xỉ + 67% từ mức thấp nhất. Các nhà đầu tư cá nhân là động lực chính cho thị trường chứng khoán khi họ đầu tư vào cổ phiếu trong môi trường lãi suất thấp. Nhờ những chính sách hỗ trợ từ chính phủ và nguồn vốn từ nhà đầu tư cá nhân, thị trường đã hồi phục ấn tượng với VN-Index tăng trưởng theo lợi nhuận ở mức 17.4%.

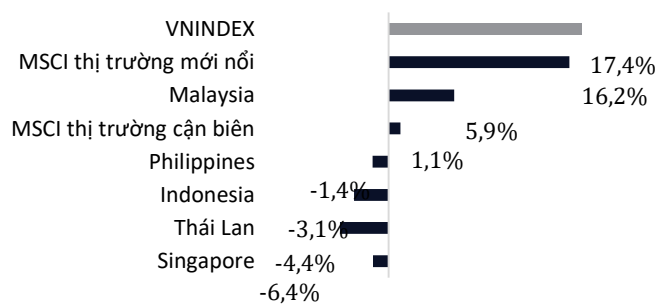
So sánh khu vực

Theo P/E



Nguồn: Bloomberg & khối Phân tích TVS

Theo tăng trưởng lợi nhuận



Nguồn: Bloomberg & khối Phân tích TVS

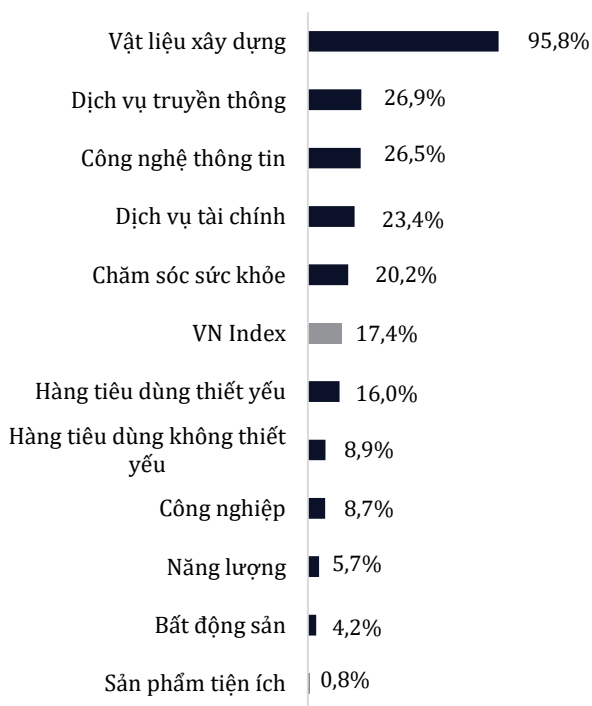
Phát triển thị trường phái sinh

Thị trường chứng khoán phái sinh có kết quả hoạt động tốt trong năm 2020, với thanh khoản giao dịch tăng cao kỷ lục 80% trong tháng 7 và trung bình lượng giao dịch phái sinh hàng ngày vào khoảng 158.390 hợp đồng.

Hiệu suất các ngành

Ngành vật liệu tăng ấn tượng 95,8%. Ngành tài chính cũng đóng góp 23,4% vào lợi nhuận tổng nhờ vào môi trường lãi suất thấp

Lợi nhuận theo ngành



Nguồn: Bloomberg & khối Phân tích TVS

| | | |
|-----------------------|-------------------|--------------------|
| Top cổ phiếu năm 2020 | Vật liệu xây dựng | HPG, GVR, PHR |
| | IT | FPT, CMG, DGW |
| | Ngân hàng | VCB, BID, CTG, TCB |

Tăng trưởng quỹ hoán đổi danh mục (ETF) nội địa

Các quỹ ETF tại Việt Nam đã gia tăng đáng kể trong 10 năm qua. Thị trường Việt Nam hiện có khoảng 13 quỹ ETF đang hoạt động với tổng quy mô 1,79 tỷ USD

Năm 2020, 5 quỹ ETF nội địa mới đã được ra mắt, gồm VFM VNDiamond, SSIAM VNFIN Lead, Vinacapital VN100, SSIAM VN30, và Mirae Asset VN30.

Sự trỗi dậy của trái phiếu doanh nghiệp

Tổng giá trị trái phiếu doanh nghiệp phát hành năm 2020 đạt 455.000 tỷ đồng (+ 48,4% YoY). Ngành tài chính và bất động sản là hai ngành thống trị với số lượng phát hành trái phiếu thành công cao nhất. Top các doanh nghiệp có giá trị phát hành trái phiếu cao nhất là Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Sovico Holdings và Masan Group.

Dòng tiền từ nhà đầu tư mới

Tuy còn những bất ổn về triển vọng tương lai giữa bối cảnh dịch COVID-19, các nhà đầu tư mới đã tham gia thị trường chứng khoán với con số cao kỷ lục khoảng 29.667 tài khoản mở mới mỗi tháng (+85% so với năm 2019) theo số thống kê từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD). Sự gia tăng số lượng nhà đầu tư mới đã làm thanh khoản của thị trường tăng 56,3% lên 6.450 tỷ đồng. Trung bình một phiên giao dịch đạt 10.000 tỷ đồng và 14.800 tỷ đồng lần lượt trong hai tháng cuối năm 2020, tăng hơn gấp đôi so với cùng kỳ năm 2019.

TVS NĂM 2020



SƠ LƯỢC VỀ TVS

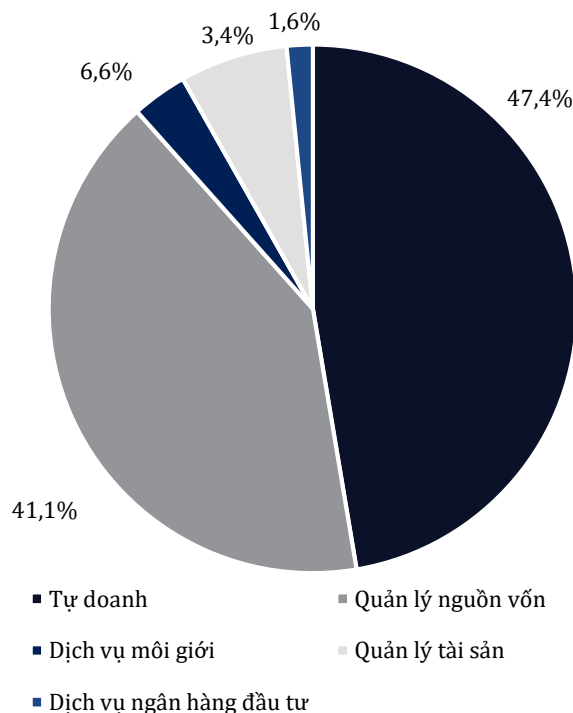
| Số | Mã | Tên công ty | Tỷ số giá trên giá trị sổ sách | Tỷ số lợi nhuận trên vốn sở hữu 12 tháng 31/12/2020 | Vốn hóa thị trường 31/12/2020 | Tổng tài sản | Tổng vốn | Lợi nhuận sau thuế |
|----------|------------|-------------------------------|--------------------------------|---|-------------------------------|--------------|--------------|--------------------|
| 1 | TCBS(*) | Chứng khoán Techcom | 3,1x | 40% | 19.155 | 8.759 | 6.179 | 2.152 |
| 2 | SHS | Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội | 1,8x | 26% | 5.804 | 6.930 | 3.226 | 754 |
| 3 | VIX | Chứng khoán VIX | 2,6x | 21% | 4.496 | 2.115 | 1.749 | 328 |
| 4 | TVS | Chứng khoán Thiên Việt | 1,4x | 20% | 1.862 | 3.920 | 1.308 | 233 |
| 5 | VND | VNDIRECT | 1,6x | 20% | 6.047 | 14.542 | 3.824 | 697 |
| 6 | VCI | Viet Capital Securities | 2,0x | 18% | 9.025 | 8.382 | 4.521 | 769 |
| 7 | TVSI(*) | Chứng khoán Tân Việt | 1,3x | 17% | 2.032 | 3.956 | 1.563 | 241 |
| 8 | VCBS(*) | Chứng khoán Vietcombank | 1,2x | 16% | 2.167 | 5.848 | 1.806 | 262 |
| 9 | MBS | Chứng khoán MB | 1,8x | 14% | 3.730 | 7.016 | 2.060 | 269 |
| 10 | VDS | Viet Dragon Securities | 1,1x | 14% | 1.281 | 2.568 | 1.166 | 150 |
| 11 | SSI | Chứng khoán SSI | 2,1x | 13% | 20.995 | 35.770 | 9.873 | 1.256 |
| 12 | HCM | Chứng khoán TP Hồ Chí Minh | 2,1x | 12% | 9.456 | 12.489 | 4.440 | 530 |
| 13 | VPBS(*) | Chứng khoán VPS | 1,1x | 10% | 5.466 | 16.065 | 4.969 | 497 |
| 14 | CTS | Chứng khoán Viettinbank | 1,1x | 9% | 1.644 | 4.274 | 1.437 | 128 |
| 15 | BSI | Chứng khoán BIDV | 1,2x | 9% | 1.726 | 2.921 | 1.491 | 127 |

(*) Ước tính cho thị trường OTC

Tỷ đồng

Với mức ROE là 20,3% so với ROE toàn ngành là 12,5%, TVS nằm trong top 5 công ty chứng khoán có hoạt động tốt nhất năm 2020. TVS đạt doanh thu 635 tỷ đồng (+ 49% YoY) và lợi nhuận sau thuế 233 tỷ đồng (+112% YoY) vào năm 2020 nhờ vào kết sự tăng trưởng mạnh của khối Tụ doanh (+53% YoY) và Quản lý nguồn vốn (+65% YoY). Trong đó, khối Tụ doanh và Quản lý Quỹ báo lãi (trước khi được phân bổ các chi phí ngoài bộ phận) khoảng 152 tỷ đồng nhờ vào kinh nghiệm của Hội đồng đầu tư và đội ngũ đầu tư đã nhìn thấy cơ hội và gia tăng giải ngân vào danh mục cổ phiếu niêm yết vào đầu quý 2/2020. khi thị trường chứng khoán biến động mạnh và giảm sâu trong tháng 3 do ảnh hưởng dịch bệnh toàn cầu. Mặt khác, khối Quản lý Nguồn Vốn đạt lợi nhuận (trước khi phân bổ chi phí) 152 tỷ đồng (+148% YoY) nhờ lãi suất thấp và biến động lãi suất thuận lợi. Hội đồng đầu tư và Khối nguồn vốn đã đánh giá tốt xu hướng giảm lãi suất và đã tiếp tục gia tăng nợ vay ngắn hạn (+26,6% YoY) để đầu tư nắm giữ sớm sản phẩm có thu nhập cố định trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi, kết quả là TVS đã thu lợi nhuận cao trong Quý 3 và quý 4 năm 2020.

Cơ cấu Doanh thu



| Triệu đồng | 2020 | 2019 | % Thay đổi |
|---|-----------|-----------|------------|
| Báo cáo kết quả kinh doanh | | | |
| Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) | 138,846 | 132,775 | 4.6% |
| Tổng doanh thu hoạt động | 635,319 | 425,508 | 49.3% |
| Tổng chi phí hoạt động | -214,617 | -172,927 | 24.1% |
| Tổng doanh thu hoạt động tài chính | 826 | 1,353 | -39.0% |
| Tổng chi phí tài chính | -107,714 | -95,148 | 13.2% |
| Chi phí bán hàng và các chi phí chung | -25,142 | -21,783 | 15.4% |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN | 288,672 | 137,000 | 110.7% |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN | 232,670 | 110,234 | 111.1% |
| Lợi nhuận ròng sau thuế và lãi của các cổ đông thiểu số | 232,635 | 110,235 | 111.0% |
| Bảng cân đối kế toán | | | |
| Tài sản ngắn hạn | 3,892,845 | 2,971,798 | 31.0% |
| Tài sản dài hạn | 18,236 | 14,942 | 22.0% |
| Tổng tài sản | 3,911,080 | 2,986,740 | 30.9% |
| Nợ phải trả | 2,602,903 | 2,006,462 | 29.7% |
| Nợ phải trả ngắn hạn | 2,555,702 | 2,000,229 | 27.8% |
| Nợ phải trả dài hạn | 47,201 | 6,233 | 657.3% |
| Vay ngắn hạn | 20,000 | - | |
| Vay dài hạn | 2,477,821 | 1,956,488 | 26.6% |
| Nợ vay | 2,497,821 | 1,956,488 | 27.7% |
| Vốn chủ sở hữu | 1,308,177 | 980,278 | 33.4% |
| Vốn điều lệ | 982,352 | 801,247 | 22.6% |
| Chỉ số tài chính | | | |
| Tỷ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (%) | 20.33% | 11.25% | 71.0% |
| Tỷ số lợi nhuận trên tài sản (%) | 6% | 4% | 73.5% |
| Tỷ số thanh toán ngắn hạn | 1.52 | 1.49 | 2.5% |
| Tỷ số an toàn tài chính (%) | 311% | 273% | 13.9% |
| Tỷ lệ cơ cấu vốn | | | |
| - Tỷ số Nợ/ Tổng tài sản | 0.64 | 0.66 | -2.5% |
| - Tỷ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu | 1.91 | 2.00 | -4.3% |
| Tỷ lệ khả năng hoạt động | | | |
| - Vòng quay tổng tài sản | 0.16 | 0.14 | 14.0% |
| Tỷ suất sinh lời | | | |
| - Tỷ số Lợi nhuận sau thuế/ doanh thu thuần | 0.37 | 0.26 | 41.4% |

| Tỉ lệ trên mỗi cổ phiếu | 2020 | 2019 | % Thay đổi |
|---|------------|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 98,235,174 | 80,124,700 | 22.6% |
| Thu nhập trên cổ phiếu cơ bản (VND) | 2,661 | 1,337 | 99.0% |
| Thu nhập trên cổ phiếu pha loãng (VND) | 2,464 | 1,320 | 86.7% |
| Giá trị sổ sách trên một cổ phiếu (VND) | 13,317 | 12,234 | 8.8% |
| Cổ tức và thưởng cổ phiếu | 9% | 28.5% | -68.4% |
| Giá giao dịch lần cuối (VND) | 14,550 | 14,000 | 3.9% |
| Tỷ số giá trên lợi nhuận (x) | 5.5 | 10.5 | -47.8% |
| Tỷ số giá trên giá trị sổ sách (x) | 1.09 | 1.14 | -4.5% |

Tài sản

Năm 2020, tổng tài sản đạt 3.911 tỷ đồng (+ 31% YoY) nhờ tăng tài sản tài chính từ gia tăng tài sản lưu động. Tiền và các khoản tương đương tiền trong năm 2020 tăng do lãi thuần từ hoạt động tài chính. Về tài sản tài chính, trái phiếu chưa niêm yết tăng lên 112 tỷ đồng (+ 120,9% YoY), trong khi cổ phiếu giao dịch sàn Upcom giảm từ 27 tỷ đồng xuống 1 tỷ đồng (-96,2%).

Nợ và Vốn chủ sở hữu

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng vốn chủ sở hữu của cổ đông là 1.308 tỷ đồng (+ 33,4% YoY) và chiếm 33% tổng vốn. Vốn chủ sở hữu tăng đều qua các năm do TVS đã sử dụng phần lớn lợi nhuận chưa phân phối để phát hành thêm cổ phiếu nhằm tăng vốn điều lệ. Hoạt động đầu tư của TVS được tài trợ chủ yếu bằng vốn tự có. Từ năm 2016 đến năm 2020, TVS cũng đã tăng nợ ngắn hạn để tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh nguồn vốn.

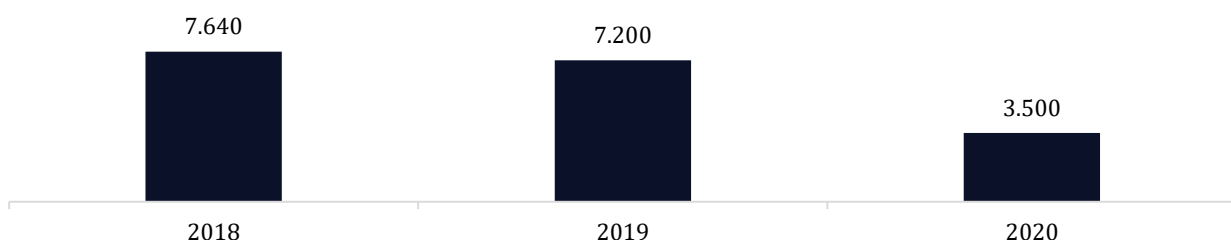
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nợ phải trả là 2.602 tỷ đồng (+ 29,7% YoY) và chiếm 67% tổng nguồn vốn. Nợ ngắn hạn ở mức 2.477 tỷ đồng (+ 25,6% YoY) để tài trợ cho các hoạt động kinh doanh vốn như hoạt động tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu. Khoản vay được bảo đảm bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi. Mặc dù nợ đã tăng lên, tỷ lệ đòn bẩy vẫn trong ngưỡng an toàn cho ngành môi giới với: (i) tỷ lệ nợ / vốn chủ sở hữu 2x (thấp hơn so với mức tối đa yêu cầu của pháp luật 3x), (ii) tỷ lệ nợ ngắn hạn là 0,66x (dưới ngưỡng 1,0 lần), (iii) tỷ lệ thanh toán ngắn hạn 1,5 lần, và (iv) tỷ lệ an toàn tài chính là 311%, cao hơn mức an toàn 180%.

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

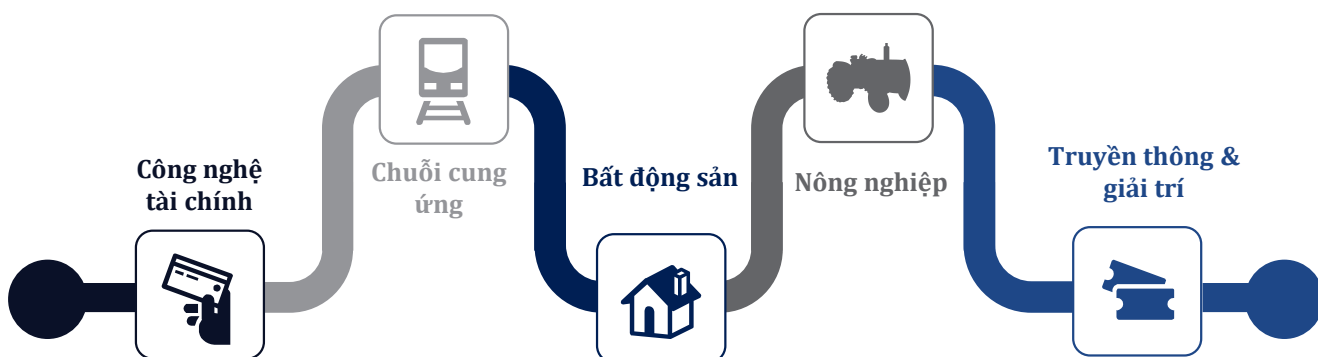
Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, vào năm 2020, giá trị của tất cả các thương vụ M&A tại Việt Nam ước tính đã giảm 49% so với cùng kỳ năm ngoái xuống còn 3,5 tỷ USD do hậu quả của đại dịch Covid-19. Trong bối cảnh khó khăn, Khối Ngân hàng đầu tư đã tập trung thu hút nhân tài và nâng cao năng lực. Cụ thể Khối đã tuyển thêm 1 thành viên cấp cao và 2 thành viên cấp dưới và mỗi thành viên tham gia vào ít nhất một giao dịch thành công. Về nâng cao chuyên môn Khối đã tham gia vào các lĩnh vực mới liên quan đến công nghệ, giáo dục, chuỗi cung ứng lạnh và lĩnh vực chính và tổ chức Industry Call hàng tháng và mở rộng mạng lưới trong các lĩnh vực nêu trên.

Giá trị M&A tại Việt Nam

Triệu USD, 2018-2020



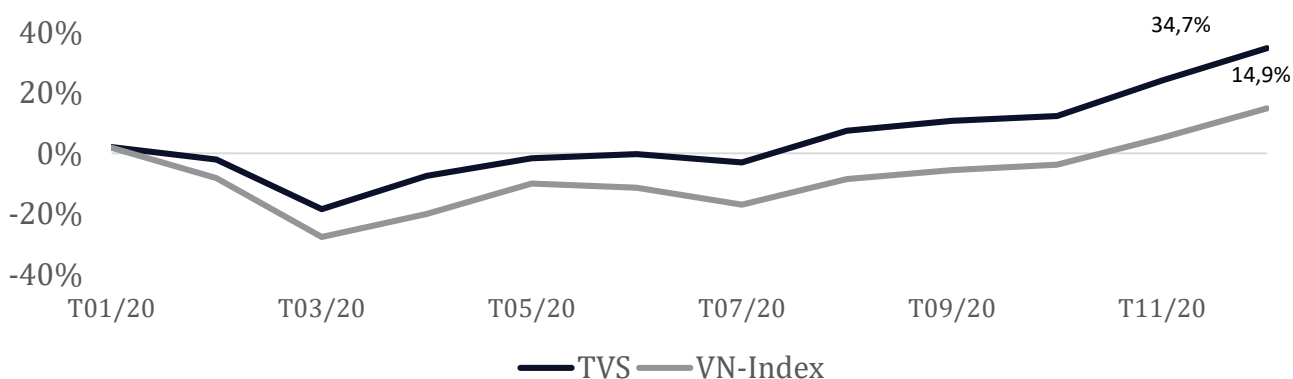
Khối Ngân hàng đầu tư bắt đầu tập trung nhiều hơn vào Đầu tư mạo hiểm và đã tìm được 5 cơ hội. Trong tương lai, chúng tôi quyết tâm hoàn thành tất cả các thương vụ trong hệ thống hiện tại bao gồm các lĩnh vực khác nhau như công nghệ tài chính, bất động sản, nông nghiệp, v.v.



TỰ DOANH

Qua việc đầu tư vào các công ty hàng đầu có tiềm năng tăng trưởng tốt, khối Tự doanh của TVS đã giữ cho danh mục đầu tư hiệu quả và ổn định so với nền kinh tế chung. Lợi nhuận chưa thực hiện của danh mục đầu tư vượt trội so với thị trường và đạt mức tăng trưởng 34,7%.

Hiệu suất của khối Tự doanh so với VN Index



QUẢN LÝ NGUỒN VỐN



Tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận

Trong giai đoạn 2016 - 2020, doanh thu và lợi nhuận đã tăng đáng kể với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) là 65,8%.



Vượt kỷ lục tăng trưởng

Đặc biệt, doanh thu của khối Quản lý nguồn vốn đạt mức 262 tỷ đồng (tăng 65% so với năm 2019) và lợi nhuận gộp đạt 152 tỷ đồng (tăng lên 2,8 lần so với kết quả hoạt động của bộ phận trong năm 2019).



Tổng quan kết quả hoạt động

Khối quản lý nguồn vốn đóng góp 41% doanh thu và chiếm 49% lợi nhuận gộp của công ty vào năm 2020.

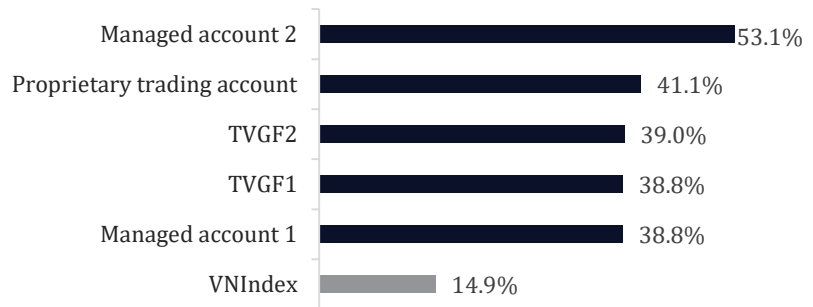
QUẢN LÝ QUỸ

Trong năm 2020, TVAM ưu tiên đầu tư vào các lĩnh vực hoạt động ổn định và ít bị ảnh hưởng bởi tác động xấu của đại dịch như chứng khoán, dệt may, ngân hàng, dầu khí và bất động sản. Do cổ phiếu trong các lĩnh vực này chiếm 60-70% danh mục đầu tư của TVAM và mang lại lợi nhuận thực hiện và chưa thực hiện từ 20-50%, lợi suất của TVAM vượt trội hơn VNIndex.

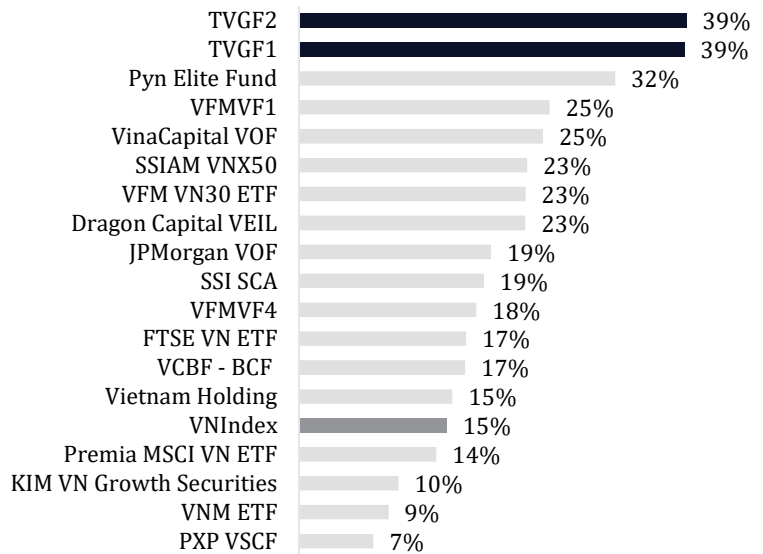
Vào cuối năm 2020, NAV của TVGF1 đạt gần 223 tỷ đồng và NAVPS đạt 14.833 đồng, tương đương với lợi suất 38,8% vào năm 2020 và 97,8% kể từ khi thành lập. Trong 5 năm qua, TVGF1 đã 3 lần trả cổ tức bằng tiền mặt cho nhà đầu tư với tổng tỷ lệ 50% (5.000 đồng / chứng chỉ quỹ).

Sau ba năm đầy thử thách, NAV của TVGF2 đạt khoảng 208 tỷ đồng và NAVPS đạt 12.243 đồng, tương đương với mức sinh lời 39% vào năm 2020 và 25,2% kể từ khi thành lập. Các nhà đầu tư của TVGF2 đã thông qua việc kéo dài thời gian hoạt động của Quỹ thêm hai năm đến tháng 1 năm 2023.

Lợi suất TVS năm 2020



Tỷ suất đầu tư của các quỹ năm 2020



MÔI GIỚI KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC

Năm 2020 là một năm đầy thách thức đối với ICG do những phức tạp khác nhau mà Covid mang lại. Đặc biệt, việc Việt Nam dừng chuyến bay quốc tế khiến khách hàng không thể đến và thực hiện thẩm định, gây ảnh hưởng nặng nề lên chiến lược mở rộng giao dịch khối và ngân hàng đầu tư tổ chức của chúng tôi. Tuy nhiên, chúng tôi đã hoàn thành một giao dịch lớn ngoài thị trường và mở tài khoản với hai nhà đầu tư lớn ở Việt Nam, đóng góp một phần lớn vào doanh thu 7,5 tỷ đồng của chúng tôi. Những thành công khác trong năm 2020 bao gồm việc mở một tài khoản tổ chức khác và tuyển dụng thêm ba chuyên viên phân tích cho khối Phân tích của chúng tôi.

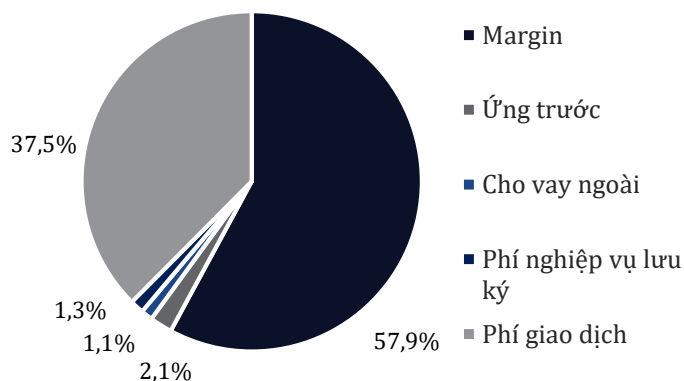
MÔI GIỚI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

| | Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng) | Tổng phí (tỷ đồng) |
|---------|----------------------------------|--------------------|
| Quý I | 1.790 | 2,7 |
| Quý II | 1.418 | 2,5 |
| Quý III | 1.817 | 2,4 |
| Quý IV | 4.497 | 5,6 |
| Tổng | 9.524 | 13,3 |

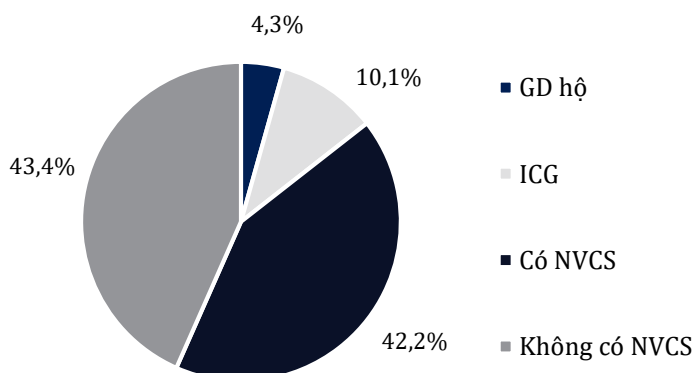
Tổng giá trị giao dịch cho năm 2021 là 9.524 tỷ đồng trong đó chi phí giao dịch chiếm 13,3 tỷ đồng, tương ứng với chi phí giao dịch 0,14%. Giá trị giao dịch trong ba quý đầu năm khá ổn định, trung bình khoảng 1.675 tỷ đồng trong cả ba quý. Tuy nhiên, quý 4 năm 2020 chứng kiến sự tăng trưởng đáng kể do sự gia tăng số lượng tài khoản mới. Nhờ đó, 47% giá trị giao dịch 2020 được hoàn thành trong quý cuối cùng của năm 2020.

Năm ngoái, doanh thu ký quỹ của công ty đạt 20.616 tỷ đồng, chiếm 58% doanh thu hoạt động của khối. Doanh thu từ ứng trước tiền bán đạt 759 triệu đồng, tương đương 2% tổng doanh thu. Doanh thu phí dựa trên hoạt động cho vay chiếm 60% tổng số phí thu được. Chúng tôi có số lượng các khoản vay ký quỹ dài hạn cao, dẫn đến tỷ lệ lãi suất so với giá trị giao dịch cao hơn. Khối Môi giới Khách hàng cá nhân có tổng doanh thu từ hoạt động môi giới và cho vay lãi là 35 tỷ đồng.

Doanh thu theo hoạt động kinh doanh



Doanh thu theo nhóm khách hàng

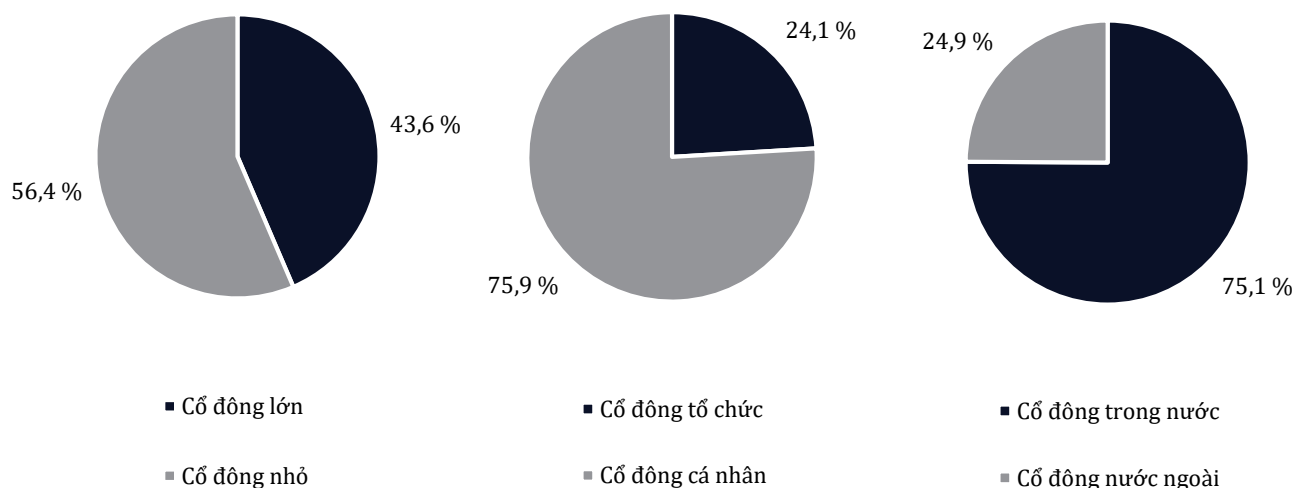


CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

TVS chỉ có cổ phần phổ thông và không có cổ phần nào thuộc sở hữu của Nhà nước. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, TVS có 98.235.174 cổ phiếu phổ thông.

Năm 2020, TVS đã phát hành thành công 10.000.000 cổ phiếu với tổng số tiền thu được là 100 tỷ đồng. Ngoài ra, công ty phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019 tỷ lệ 8% và phát hành cổ phiếu tỷ lệ 1% từ nguồn thặng dư vốn cổ phần.

Cơ cấu cổ đông



Danh sách cổ đông nội bộ

| | Họ và tên | Chức vụ | Tỷ lệ sở hữu 09/04/2020 |
|--------------------------|-------------------------|----------------|----------------------------|
| Hội đồng quản trị | | | |
| 1 | Ông Nguyễn Trung Hà | Chủ Tịch | 29,8% |
| 2 | Bà Đinh Thị Hoa | Phó Chủ Tịch | 4,9% |
| 3 | Ông Nguyễn Nam Sơn | Thành viên | 0,0% |
| 4 | Ông Phan Minh Tâm | Thành viên | 0,0% |
| 5 | Bà Bùi Thị Kim Oanh | Thành viên | 1,4% |
| 6 | Ông Nguyễn Thành Nam | Thành viên | 0,0% |
| 7 | Bà Nguyễn Thanh Thảo | Thành viên | 0,8% |
| Ban kiểm soát | | | |
| 1 | Ông Đỗ Việt Hùng | Trưởng ban | 0,0% |
| 2 | Bà Trần Thị Hồng Nhung | Thành viên | 0,2% |
| 3 | Bà Đồng Thị Phương Liên | Thành viên | 0,0% |
| Ban giám đốc | | | |
| 1 | Bà Nguyễn Thanh Thảo | Tổng giám đốc | 0,8% |
| 2 | Ông Lê Quang Tiến | Kế toán trưởng | 0,4% |

An aerial photograph of terraced rice fields on a hillside. The fields are arranged in curved, stepped patterns, showing a gradient of green and yellow. A small, simple pavilion with a white roof is situated on a higher terrace in the upper right. In the lower right, three people are walking along a path between the terraces. The overall scene is lush and vibrant, capturing the beauty of traditional agriculture.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Đối với cộng đồng

TVS xem cộng đồng là cốt lõi của hoạt động kinh doanh. Năm 2020, TVS đã trao tặng 50 triệu đồng cho huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình để hỗ trợ người dân sau trận lũ lịch sử. Chúng tôi cũng tài trợ 11,5 triệu đồng cho CHANGE VN, với sứ mệnh thúc đẩy và khuyến khích việc bảo vệ và bảo tồn môi trường thông qua giáo dục và truyền thông sáng tạo nhằm thay đổi thói quen và truyền cảm hứng cho cộng đồng tại Việt Nam

Đối với đội ngũ nhân viên

Vào ngày 31/12/2020, số lao động tại TVS và Công ty liên quan là 69 người với thu nhập bình quân 46,1 triệu đồng (tăng 12,5 triệu đồng so với năm 2019). Ban lãnh đạo Công ty luôn xem con người là nguồn lực quan trọng nhất. Do vậy, các chính sách nhân sự của Công ty được xây dựng nhằm quan tâm toàn diện người lao động, khuyến khích người lao động phát huy tính sáng tạo và thể mạnh của mỗi cá nhân. Xây dựng các chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

Bình đẳng giới

Chúng tôi tin rằng một môi trường làm việc bình đẳng giới sẽ mang lại đa dạng trong tư duy và qua đó giúp các nhà lãnh đạo đưa ra quyết định tốt hơn. Đã có nhiều nghiên cứu được công bố nhằm khuyến khích phụ nữ tham gia vào quá trình đầu tư vì họ tạo những khoản đầu tư với lợi tức lớn hơn và ít rủi ro hơn. Với TVS, phụ nữ đại diện ở tất cả các cấp từ hội đồng quản trị đến giám đốc điều hành, quản lý cấp trung, vv. TVS tự hào rằng công ty đã phát triển điều này một cách tự nhiên và tìm thấy ứng cử viên tốt nhất cho mỗi vị trí dựa trên năng lực.

Tại TVS Thiền và Yoga

Tại TVS, chúng tôi chú trọng xây dựng môi trường làm việc có thể khuyến khích nhân viên được tự do sáng tạo và phát triển tư duy kinh doanh. Nhằm thúc đẩy tinh thần và thể chất của nhân viên, cũng như khuyến khích tư duy sáng tạo và duy trì tinh thần ổn định cho các nhà lãnh đạo, chúng tôi tổ chức các lớp thiền và yoga ngay trong nơi làm việc và các cuộc hội thảo với lãnh đạo về thiền định. TVS đặc biệt tự hào về nỗ lực của công ty trong việc hỗ trợ nhân viên trở thành phiên bản tốt nhất của bản thân họ.



Môi trường làm việc

TVS luôn nỗ lực xây dựng môi trường làm việc thân thiện, hòa đồng và gần gũi. Ngoài ra, tất cả nhân viên đều được trang bị đầy đủ trang thiết bị cần thiết để hoàn thành xuất sắc công việc. Nhân viên công ty làm từ thứ 2 đến thứ 6 theo tiêu chuẩn năm ngày mỗi tuần và được nghỉ phép theo quy định của Bộ luật Lao động. Tất cả những yếu tố trên là lí do khiến người lao động gắn bó với công ty, số lượng nhân viên làm việc tại TVS với hơn 5 năm thâm niên chiếm tỷ lệ trên 70%

Chính sách lương thưởng và phụ cấp

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi được ban hành theo quy định của Bộ luật lao động. Ngoài khoản lương cơ bản cố định, TVS còn thưởng hàng năm dựa trên kết quả hoạt động của công ty/bộ phận và đóng góp của cá nhân. Công ty cũng xây dựng chính sách phụ cấp như: phụ cấp ăn trưa, phụ cấp điện thoại, tàu xe, du lịch của công ty.

Chính sách chăm sóc toàn diện

Bên cạnh việc tham gia đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN theo quy định, Công ty còn mua thêm bảo hiểm “Kết hợp tai nạn con người và chăm sóc sức khỏe” dành cho người lao động. Tham gia bảo hiểm này, người lao động có thể khám chữa bệnh ngoại trú, được thăm khám tại các cơ sở y tế hàng đầu tại Việt Nam, tạo cho người lao động sự yên tâm và tập trung vào công tác. Để gắn kết các cán bộ nhân viên trong Công ty, hàng năm, TVS tổ chức các chương trình giao lưu như Tiệc gia đình, chương trình nghỉ mát thường niên, v.v để các thành viên trong Công ty cùng gia đình có cơ hội gặp mặt, chia sẻ và quan tâm lẫn nhau. Các chương trình này đã thực sự là cầu nối đưa mọi người lại gần nhau hơn.

Chính sách đào tạo

Ban lãnh đạo TVS rất quan tâm tới việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Các nhân viên mới gia nhập TVS được hướng dẫn, đào tạo tận tình các kiến thức chuyên môn cũng như các kỹ năng làm việc và sử dụng hệ thống kỹ thuật tại TVS.

Hàng năm, TVS dành một ngân sách nhất định để hỗ trợ cho các nhân viên nòng cốt tham dự các khoá đào tạo nâng cao về chuyên môn, quản lý tại các tổ chức trong nước và quốc tế như:

- Các khóa học do Trung tâm đào tạo của UBCK tổ chức.
- Khóa đào tạo chuyên môn về kiểm toán, công nghệ thông tin
- Được hỗ trợ thi lấy chứng chỉ ACCA, CFA,...

An aerial photograph of a tropical coastline. The left side shows clear, turquoise water with visible coral reefs. A narrow, sandy beach runs along the coast, bordered by a rocky shoreline. To the right, there is a dense, lush green forest. The text 'TÂM NHÌN 2021' is overlaid in white, serif font on the water area.

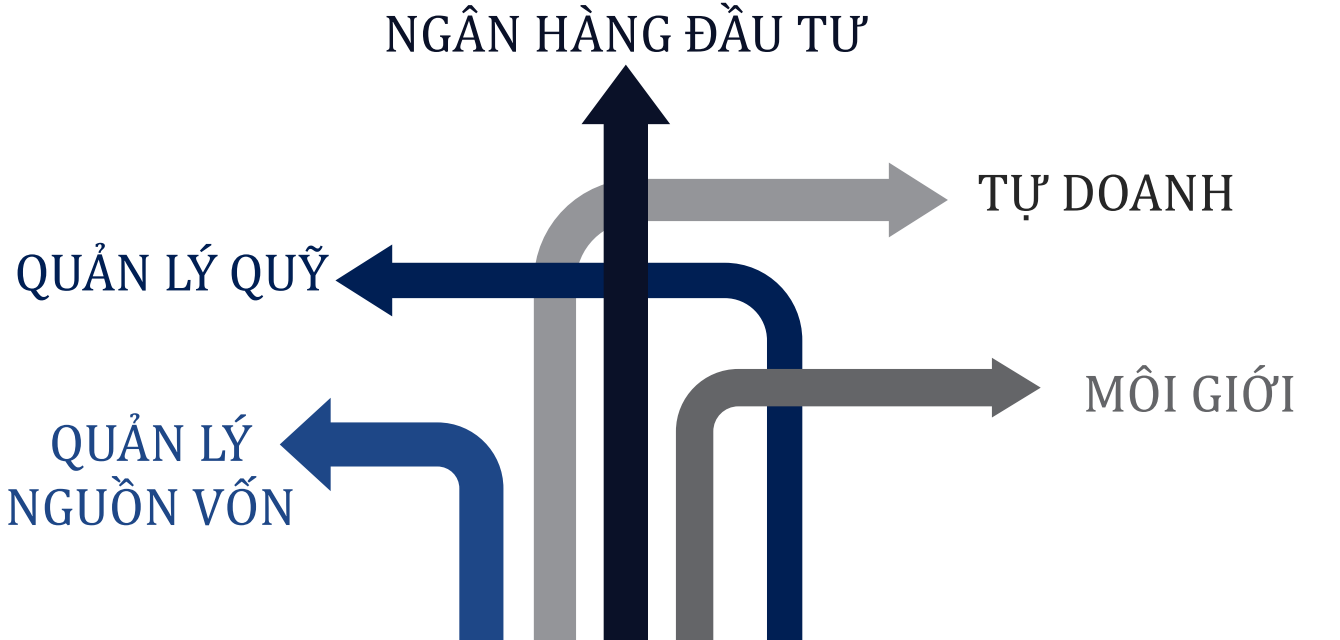
TÂM NHÌN 2021

Nền kinh tế Việt Nam dự kiến sẽ phục hồi vào năm 2021 với mức tăng trưởng GDP trên 6% nhờ các yếu tố trợ lực. Thứ nhất, các hiệp định thương mại tự do mới, như Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU (EVFTA) và Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực, có khả năng mang lại lợi ích tích cực cho các ngành xuất khẩu chủ lực như sản xuất điện tử và dệt may. Đặc biệt, theo nhận xét của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, EVFTA sẽ giúp tăng GDP của Việt Nam thêm 4,6% và tăng xuất khẩu sang EU lên 42,7% vào năm 2025. Luật Doanh nghiệp và Đầu tư sửa đổi giúp đơn giản hóa quy trình quản lý và tăng ưu đãi đầu tư sẽ cải thiện môi trường kinh doanh và khuyến khích tăng trưởng trong nước.

Tất cả những yếu tố này đã khiến Việt Nam trở thành điểm đầu tư nổi bật ở Đông Nam Á đối với các doanh nghiệp. Theo báo cáo chỉ số M&A quốc tế của Euromonitor, Việt Nam xếp thứ hai trong số các thị trường có hoạt động M&A năng động và tiềm năng nhất. Theo ước tính của Trung tâm Mua bán và Sáp nhập Doanh nghiệp (CMAC), hoạt động mua bán và sáp nhập của Việt Nam dự kiến sẽ phục hồi lên khoảng 4,5-5 tỷ USD vào năm 2021 và lên con số trước COVID-19 là 7 tỷ USD vào năm 2022. Nhờ điều kiện kinh tế, lợi nhuận của TVS dự kiến sẽ tăng 20-25% vào năm 2021.

Ngân hàng Đầu tư là khối kinh doanh chiến lược tạo nên tăng trưởng dài hạn cho TVS và gián tiếp đóng góp lợi nhuận cho khối Tự doanh thông qua các thương vụ mua cổ phần tư nhân. Hội đồng quản trị cho rằng thoái vốn nhà nước và IPO của các công ty tư nhân lớn tạo tiềm năng tăng trưởng lớn dịch vụ ngân hàng đầu tư tại Việt Nam. Với bề dày kinh nghiệm, hồ sơ khách hàng chọn lọc và tỷ lệ chốt thương vụ cao, TVS đang ở vị thế tốt để nắm bắt các cơ hội trên. Mặt khác, TVS tiếp tục phát triển khối Quản lý tài sản, kiên định với phương pháp đầu tư giá trị có kỷ luật và tập trung vào các cổ phiếu được định giá thấp có tiềm năng tăng trưởng cao cũng như đầu tư các tài sản có thu nhập cố định.

Vào năm 2021, chúng tôi đặt mục tiêu tăng cường khối Quản lý nguồn vốn thông qua cải tiến liên tục về sản phẩm, quản lý và quan hệ với khách hàng. Đối với Môi giới, chúng tôi tiếp tục tập trung vào việc phát triển khối khách hàng tổ chức trong nước, quốc tế và cung cấp các dịch vụ giao dịch phái sinh. Để hỗ trợ mục tiêu này, chúng tôi sẽ nỗ lực cải thiện bộ phận Phân tích để bộ phận này có thể làm việc chặt chẽ với nhóm giao dịch và cung cấp báo cáo mang lại giá trị cho khách hàng.



Là hoạt động kinh doanh cốt lõi của TVS, khối Ngân hàng Đầu tư không ngừng mở rộng và củng cố năng lực.

Bước sang năm 2021, chúng tôi ưu tiên tuyển dụng thêm các thành viên cấp cao để hỗ trợ khối Ngân hàng Đầu tư và cho mỗi thành viên tham gia ít nhất 2 thương vụ thành công. Chúng tôi sẽ tiếp tục xây dựng chuyên môn trong các lĩnh vực quan trọng thông qua việc tham gia vào nhiều thương vụ hơn, tổ chức hội thảo ngành và tham gia các sự kiện liên quan đến các lĩnh vực đó. Cụ thể, chúng tôi sẽ tham gia vào ít nhất 3 thương vụ liên quan đến công nghệ và một trong các lĩnh vực TVS có thế mạnh. Chúng tôi cũng đặt mục tiêu tổ chức 9 hội thảo ngành về nhiều thị trường khác nhau, bao gồm Xét nghiệm di truyền, thời trang, phần mềm bán hàng, vận tải thực phẩm, Công nghệ quản lý tài sản, Công nghệ giáo dục và Năng lượng Mặt trời.

20

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

**TÂM
NHÌN
2025**

Thực hiện 10 thương vụ Công nghệ với 3 thương vụ thuộc top 10 thương vụ lớn nhất

Ngân hàng Đầu tư số 1 về Công nghệ

Đầu tư vào ít nhất 3 công ty khởi nghiệp về công nghệ

TỰ DOANH

Năm 2021 bắt đầu với thành công trong việc kiểm soát đại dịch của Chính phủ Việt Nam, việc tiếp tục nới lỏng chính sách tiền tệ cũng như ổn định tỷ giá hối đoái. Với tốc độ tăng trưởng GDP 4,5% trong quý 4 năm 2020 cùng với nền tảng GDP năm 2020 thấp, mức tăng trưởng GDP năm 2021 của Việt Nam trên 6% là khả thi.

Trong tương lai đến năm 2021, khối Tự doanh sẽ tiếp tục tập trung vào những công ty đầu ngành có tiềm năng tăng trưởng đầy hứa hẹn, chi trả cổ tức cao và P/E hấp dẫn trong các lĩnh vực tiêu dùng & bán lẻ, công nghệ, ngân hàng và bất động sản. Đặc biệt, chúng tôi sẽ tập trung vào các công ty mà 70% doanh thu của họ đến từ hoạt động kinh doanh chính. Với Phương pháp tiếp cận đầu tư có kỷ luật và điều kiện kinh tế thuận lợi, dự kiến danh mục đầu tư của TVS và các quỹ của TVAM sẽ tăng trưởng 10% vào năm 2021.

QUẢN LÝ NGUỒN VỐN

Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu đạt 20% mỗi năm

Sản phẩm

- Tiếp tục tăng cường đầu tư vào các sản phẩm tài chính có thu nhập cố định từ định chế tài chính;
- Tăng tỷ trọng đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp: nhằm tăng cường đa dạng hóa danh mục đầu tư, tối ưu hóa lãi suất và tăng tính linh hoạt của kỳ hạn; tạo kênh huy động vốn cho công ty và thanh khoản cho thị trường trái phiếu.

Đối tác

- Tăng cường hợp tác kinh doanh với các tổ chức tài chính trong nước (ngân hàng, công ty quản lý vốn, công ty chứng khoán);
- Tiếp tục tìm kiếm và mở rộng các khoản vay lãi suất thấp từ các tổ chức nước ngoài.

Quản lý

- Đầu tư vào phần mềm quản lý giao dịch trái phiếu;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân sự chuyên nghiệp;
- Cải thiện quy trình hoạt động và quản lý rủi ro.



Với mức lãi suất được đánh giá đang ở mức chạm đáy, lãi suất của Việt Nam được ước tính sẽ tăng từ giữa năm 2021. Do đó, chúng tôi ước tính biên lãi ròng sẽ bị siết lại.

QUẢN LÝ TÀI SẢN

Tỷ lệ tăng trưởng thu nhập của khối quản lý tài sản được dự đoán vào khoảng 20 - 25% khi đại dịch được kiểm soát bằng vắc xin.

Nền kinh tế được kỳ vọng sẽ phục hồi vào năm 2021 với tốc độ tăng trưởng GDP trên 6% nhờ sự gia tăng dòng vốn FDI, hoạt động xuất khẩu, giải ngân đầu tư công, các hiệp định thương mại tự do và các gói kích thích kinh tế của Chính phủ. Lạm phát và tỷ giá hối đoái được duy trì ổn định vào năm 2021.

Các yếu tố thúc đẩy dòng tiền vào thị trường:

- 1) chính sách nới lỏng tiền tệ của Chính phủ,
- 2) triển vọng nâng hạng thị trường trong những năm tới và
- 3) Nguồn vốn nước ngoài trở lại khi đại dịch được kiểm soát.



Định giá thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn ở mức khá hợp lý với tỷ số P/E bình quân đã điều chỉnh ở mức 16x, đây là một trong những mức thấp nhất trong các nước Châu Á.

Nền kinh tế toàn cầu đang được hỗ trợ bởi chính sách nới lỏng tiền tệ và các gói kích thích kinh tế. Cục dự trữ Liên bang (Hoa Kỳ) đã báo hiệu về việc giữ lãi suất gần 0 đến năm 2023.

Chính phủ sẽ cấp phép xây dựng và đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công.

Chiến lược

✓ Sử dụng chiến lược đầu tư giá trị, tập trung vào các cổ phiếu được định giá thấp, vào ngành có thông tin hỗ trợ và có tiềm năng tăng trưởng thu nhập hơn 20%

✓ Tập trung vào một số ngành tiềm năng như ngân hàng, dầu khí, hàng tiêu dùng, bất động sản và chứng khoán

✓ Điều chỉnh tỷ lệ giữa cổ phiếu và các sản phẩm thu nhập cố định để tối đa hóa lợi nhuận cho các danh mục đầu tư dựa trên biến động của thị trường chứng khoán.

Kế hoạch 5 năm

✓ Duy trì lợi nhuận hàng năm ở mức trên 15%.

✓ Cuộc họp nhà đầu tư của TVGF2 đã phê duyệt kéo dài thời gian hoạt động của Quỹ thêm hai (02) năm đến tháng 1 năm 2023.

Khối môi giới tổ chức (ICG)

Năm 2021, chúng tôi thay đổi chiến lược của mình do những cơ hội đặc biệt đến từ thị trường. Cụ thể, khối khách hàng tổ chức đã có thể mở tài khoản giao dịch mới do các vấn đề kỹ thuật giao dịch sàn HOSE. Kể từ năm 2019, chúng tôi đã tăng gần gấp ba số lượng tài khoản đang hoạt động. Chúng tôi nhận thấy các tác động tài chính tích cực từ việc mở các tài khoản này.

Trong năm 2021, chúng tôi dự kiến sẽ củng cố đội ngũ giao dịch cũng như phát triển mối quan hệ với khách hàng để cung cấp dịch vụ sau khi các ảnh hưởng tiêu cực của COVID không còn. Chúng tôi tin rằng sứ mệnh của ICG là cung cấp dịch vụ giúp các nhà đầu tư nước ngoài có ý định tham gia vào thị trường Việt Nam.

Trong năm nay chúng tôi sẽ tiếp tục đẩy mạnh bộ phận phân tích cho Khách hàng tổ chức. Chúng tôi sẽ tập trung vào phát triển hai mục tiêu chính: củng cố nhân lực và tạo ra sản phẩm mới nhằm kết nối với các khách hàng hiện hữu và tiềm năng.

Khối môi giới cá nhân

NHÂN SỰ

- 1 Tuyển thêm nhân viên bộ phận kinh doanh.
- 2 Tuyển thêm nhân viên hỗ trợ dịch vụ khách hàng

ĐÀO TẠO

- 1 Dịch vụ chăm sóc khách hàng
- 2 Đào tạo về thị trường phái sinh
- 3 Báo cáo và phân tích báo cáo tài chính

CÔNG NGHỆ

- 1 Các ứng dụng tương tác tốt và thân thiện với người dùng
- 2 Tăng cường dịch vụ tư vấn tự động qua robot
- 3 Cải thiện hệ thống báo cáo

CON NGƯỜI Ở TVS



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT)



Nguyễn Trung Hà
Chủ tịch HĐQT

Ông Hà là một trong những người sáng lập TVS và hiện là Chủ tịch HĐQT công ty. Với danh mục đầu tư của hơn 30 công ty trong nước, ông được công nhận là nhà tư tưởng chiến lược nổi bật với nhiều kinh nghiệm đầu tư thiên thần tại Việt Nam. Trước TVS, ông là người sáng lập FPT năm 1988, ông giữ chức vụ Trưởng phòng Chiến lược trong nhiều năm. Ông là giám đốc Ngân hàng Á Châu (ACB) chi nhánh Hà Nội, hiện là ngân hàng thương mại tư nhân lớn nhất Việt Nam. Ông lấy bằng Cử nhân Đại học Tổng hợp Moscow ở Nga.



Đinh Thị Hoa
Phó chủ tịch HĐQT

Bà Hoa là một trong những người sáng lập TVS và hiện là Phó Chủ tịch HĐQT công ty. Bà cũng là người sáng lập và hiện là Chủ tịch của Galaxy Group, một trong những tập đoàn truyền thông và giải trí thành công nhất và lớn nhất tại Việt Nam. Hiện bà đang là thành viên hội đồng quản trị của Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) và thực hiện các khoản đầu tư thiên thần vào các công ty khởi nghiệp trong nước. Bà có bằng Cử nhân Đại học Tổng hợp Moscow ở Nga và bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Trường Kinh doanh Harvard ở Hoa Kỳ.



Terrence Ting
Phó chủ tịch HĐQT

Ông Terrence, thành viên độc lập của TVS, gia nhập công ty năm 2021 với tư cách là Phó Chủ tịch để lãnh đạo mảng đầu tư công nghệ.

Trước khi làm việc cho TVS, ông đồng lãnh đạo doanh nghiệp đầu tư cổ phần tư nhân Tybourne Capital ở Hồng Kông, và vẫn là Cố vấn cho Tybourne. Ông có 11 năm làm việc tại Goldman Sachs ở Hồng Kông, lãnh đạo nhóm cổ phần tư nhân và tập trung đầu tư tăng trưởng ở Trung Quốc, Đài Loan và trên các thị trường được chọn ở Đông Nam Á, đặc biệt là Việt Nam. Terrence lấy bằng Cử nhân và Thạc sĩ tại Đại học



Nguyễn Thanh Thảo
Thành viên

Bà Thảo gia nhập TVS từ năm 2007 với vị trí Trưởng phòng Nghiên cứu. Bà là Tổng Giám đốc điều hành của TVS từ năm 2013 và là Giám đốc điều hành Văn phòng TVS tại Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2008. Trước TVS, bà là Chuyên viên phân tích tài chính cấp cao tại Ameritrust Capital Holdings, một trong những công ty cho vay thế chấp lớn nhất tại Mỹ. Trước đó, bà là Giám đốc Văn phòng Pháp lý của Liebovitz & Do, một công ty luật có trụ sở tại California, Hoa Kỳ. Bà lấy bằng Cử nhân Đại học Ngoại giao Moscow ở Nga và bằng MBA ở California, Hoa Kỳ.



Phan Minh Tâm
Thành viên

Ông Tâm tham gia HĐQT TVS năm 2010. Ông là thành viên độc lập của TVS.

Ông cũng là Chủ tịch kiêm Giám đốc điều hành của Simple Tech Investment Holding Group (STI), tập đoàn đầu tư và điều hành nhiều lĩnh vực kinh doanh trên các lĩnh vực truyền thông, ô tô, giáo dục, công nghệ và nhân sự. Ông là một trong những người sáng lập Công ty Cổ phần Quảng cáo Trực tuyến 24H, một trong những công ty quảng cáo trực tuyến hàng đầu tại Việt Nam. Ông tốt nghiệp Cử nhân Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội.



Nguyễn Nam Sơn
Thành viên

Ông Sơn tham gia HĐQT TVS năm 2010. Ông là thành viên độc lập của TVS.

Trước khi thành lập Vietnam Capital Partners (quỹ và ngân hàng đầu tư của ông) vào năm 2009, ông là Giám đốc Điều hành kiêm Giám đốc Khối Ngân hàng Đầu tư của Citigroup Việt Nam. Trước đó, ông là giám đốc ngân hàng đầu tư của Salomon Brothers và Citigroup trong 14 năm, trong đó có 5 năm ở New York và 8 năm ở Hồng Kông, nơi ông là Giám đốc mảng Công nghệ, Truyền thông, Viễn thông Châu Á. Ông lấy bằng Cử nhân tại Đại học Colorado và bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh của Trường Kinh doanh Harvard ở Hoa Kỳ.



Bùi Thị Kim Oanh
Thành viên

Bà Oanh tham gia HĐQT TVS từ những ngày đầu và là thành viên Ban Đầu tư của TVS và TVAM từ khi thành lập.

Bà đã có 20 năm kinh nghiệm quản lý quỹ và quản lý một số quỹ như Vietnam Equity Fund, Finansa Vietnam Fund và New Finansa Vietnam Balanced Fund. Trước đó, bà đã làm việc cho Tổng Công ty Bảo hiểm Quốc gia Bảo Việt trong 8 năm. Bà lấy bằng Cử nhân Đại học Humbolt ở Đức và bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Học viện Công nghệ Châu Á ở Thái Lan.



Nguyễn Thành Nam
Thành viên

Ông Nam tham gia HĐQT TVS năm 2019. Ông là thành viên độc lập của TVS.

Ông hiện là Cố vấn Sáng tạo cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị FPT và Phó Chủ tịch Khối Giáo dục FPT. Trước đó, ông là một trong những người sáng lập FPT và là cựu TGD FPT Software. Ông cũng thành lập FUNiX, trường đại học trực tuyến đầu tiên của Việt Nam. Ông lấy bằng Cử nhân và Tiến sĩ tại Đại học Tổng hợp Moscow ở Nga.



HĐQT giám sát quá trình hoạt động và quản lý của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành thông qua các cuộc họp thường kỳ, Ban Kiểm soát và Kiểm toán nội bộ để đảm bảo việc quản lý và hoạt động của Tổng Giám đốc tuân thủ các Nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông. Tổng Giám đốc sẽ báo cáo cho Hội đồng quản trị thường xuyên, định kỳ hoặc theo yêu cầu của Hội đồng quản trị về các hoạt động đầu tư, môi giới, tự doanh, tư vấn tài chính, quản lý vận hành, tài chính, nhân sự và quản lý rủi ro của Công ty.

Trong năm 2020, HĐQT của TVS đã tổ chức 16 cuộc họp, trong đó có 1 cuộc họp trực tiếp và 15 cuộc họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, để thảo luận về các vấn đề sau

- Xem xét và thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2020
- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
- Thực hiện kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm 2019 và Báo cáo tài chính bán niên đã soát xét năm 2020
- Thực hiện phát hành 10 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
- Đề xuất việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2019 (8%) và cổ phiếu thưởng (1%) để ĐHCĐ thông qua
- Rà soát, phê duyệt kế hoạch đầu tư và vay vốn đến năm 2020.
- Lựa chọn và ký hợp đồng kiểm toán với EY cho năm tài chính 2020.
- Tiến hành tăng vốn điều lệ TVAM lên 125 tỷ đồng.
- Mua cổ phần của Finhay VietNam
- Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Giáo dục Galaxy và Công ty Cổ phần Xếp hạng Tín dụng Thiên Minh
- Tăng cường hoạt động quản lý và kiểm soát rủi ro

Hội đồng đầu tư

Hội đồng đầu tư có quyền quyết định đầu tư và phân bổ vốn. Hội đồng Đầu tư bao gồm các thành viên sau:

- Ông Terrence Ting
- Ông Nguyễn Trung Hà
- Bà Đinh Thị Hoa
- Bà Nguyễn Thanh Thảo
- Bà Bùi Thị Kim Oanh

Tiểu ban Quản trị rủi ro

Tiểu ban Quản trị Rủi ro có nhiệm vụ: (1) điều chỉnh khẩu vị và chính sách rủi ro cho TVS, (2) bảo đảm việc thực thi các hệ thống phù hợp nhằm quản trị các rủi ro, (3) Xử lý kịp thời các tồn tại trong công tác quản trị rủi ro trên cơ sở các báo cáo của Tổng Giám đốc, Bộ phận quản trị rủi ro. Tiểu ban quản trị rủi ro bao gồm các thành viên sau:

- Ông Nguyễn Trung Hà
- Bà Nguyễn Thanh Thảo

Về hoạt động kinh doanh của TVS

Nền kinh tế thế giới năm 2020 chứng kiến những khó khăn chưa từng có do đại dịch Covid-19 gây ra cũng như ảnh hưởng của cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung. GDP toàn cầu giảm 4,2% trong khi GDP Việt Nam tăng 2,9% vào năm 2020, khiến Việt Nam trở thành một trong số ít nền kinh tế trên thế giới tránh được sự suy giảm vào năm ngoài do nhiều quốc gia phải vật lộn để kiểm chế đại dịch Covid-19. Chỉ số VN-Index đã giảm mạnh từ mốc 960 điểm xuống khoảng 650 điểm vào cuối tháng 3 (-32%). Tuy nhiên, với các chính sách nới lỏng liên tục được áp dụng, thị trường chứng khoán toàn cầu đã kết thúc năm một cách tích cực. Trong điều kiện đó, TVS cùng với chiến lược đầu tư vào các công ty hàng đầu có tiềm năng tăng trưởng tốt đã giữ cho danh mục đầu tư hiệu quả và ổn định so với kinh tế chung.

- Với ROE 20,3%, TVS nằm trong top 5 công ty môi giới quy mô trung bình hoạt động tốt nhất. Năm 2020, TVS báo cáo doanh thu 635 tỷ đồng (+ 49% YoY) và 233 tỷ đồng (+ 111,1% YoY) lợi nhuận sau thuế.
- Khối Tụ doanh & Quản lý Quỹ báo cáo lợi nhuận khoảng 148 tỷ đồng nhờ thị trường diễn biến thuận lợi và việc đưa ra quyết định tốt của nhà quản lý quỹ về phân bổ ngành và chọn cổ phiếu.
- TVAM báo cáo lợi nhuận sau thuế năm 2020 là 9,8 tỷ đồng (+ 118% YoY). Tính đến cuối năm 2019, NAV của TVGF1 và TVGF2 lần lượt tăng vọt 37,8% và 38,7%.
- Khối Ngân hàng đầu tư đạt 10 tỷ đồng doanh thu và 0,5 tỷ đồng lợi nhuận do Covid-19 (khách hàng nước ngoài không thể tiến hành thẩm định do hạn chế đi lại).
- Khối Quản lý nguồn vốn đạt doanh thu 261 tỷ đồng (+ 65% YoY) và lợi nhuận 155 tỷ đồng (+ 148% YoY). Ngoài tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, TVS còn giao dịch trái phiếu chính phủ và trái phiếu tổ chức tài chính trên thị trường thứ cấp.
- Khối Môi giới và ký quỹ đạt doanh thu 41,9 tỷ đồng (+ 27% YoY) do thị trường thuận lợi.

Nhìn chung, HĐQT đánh giá cao nỗ lực của toàn bộ các bộ phận trong hoạt động kinh doanh và đầu tư trước diễn biến khó khăn của thị trường.

Về hoạt động của Ban giám đốc

HĐQT phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát và thông qua các đợt kiểm toán nội bộ để để hiểu rõ môi trường hoạt động của công ty. HĐQT, thông qua Ủy ban, hỗ trợ Tổng Giám đốc và Ban giám đốc hoàn thành các trách nhiệm được giao. Căn cứ vào điều lệ, nghị quyết và các thông lệ tốt nhất của quản trị công ty, HĐQT hướng dẫn và ủy quyền cho HĐQT quyết định hoạt động kinh doanh hàng ngày theo chỉ đạo của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT cho biết năm 2020 ban giám đốc đã hoàn thành trách nhiệm điều hành trong khuôn khổ pháp luật của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

| Số | Thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp |
|----|----------------------|--------------------------|-------------------|
| 1 | Ông Nguyễn Trung Hà | 16/16 | 100% |
| 2 | Bà Đinh Thị Hoa | 16/16 | 100% |
| 3 | Ông Nguyễn Nam Sơn | 16/16 | 100% |
| 4 | Ông Phan Minh Tâm | 16/16 | 100% |
| 5 | Bà Bùi Thị Kim Oanh | 16/16 | 100% |
| 6 | Ông Nguyễn Thành Nam | 16/16 | 100% |
| 7 | Bà Nguyễn Thanh Thảo | 16/16 | 100% |

| Số | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày | Nội dung |
|----|--------------------------|------------|--|
| 1 | 11032020/NQ HĐQT | 11/03/2020 | Thông qua triệu tập họp ĐHCĐ 2020 & NĐKCC |
| 2 | 13032020/NQ HĐQT | 13/03/2020 | Thông qua kết quả thực hiện quyền mua cổ phần phát hành thêm & Phương án xử lý số cổ phần chưa chào bán hết do cổ đông không mua và/hoặc không mua hết |
| 3 | 13032020/NQ HĐQT | 13/03/2020 | Thông qua danh sách 279 cổ đông được phân phối cổ phiếu chào bán lại |
| 4 | 26032020/NQ HĐQT | 26/03/2020 | Thông qua hoãn thời gian tổ chức ĐHCĐ Thường niên 2020 |
| 5 | 14042020/NQ HĐQT | 15/04/2020 | Thông qua tăng vốn điều lệ lên 901.247.000.000 |
| 6 | 29042020/NQ HĐQT | 29/04/2020 | Thông qua phương án vay vốn USD |
| 7 | 11052020/NQ HĐQT | 11/05/2020 | Thông qua thời gian họp & NĐKCC họp ĐHCĐ 2020 |
| 8 | 05052020/NQ HĐQT | 05/05/2020 | Thông qua sửa đổi điều lệ & ký hợp đồng với Finhay |
| 9 | 26052020/NQ HĐQT | 26/05/2020 | Thông qua rút nghiệp vụ Bảo lãnh phát hành và Tư vấn đầu tư tại chi nhánh HCM |
| 10 | 09062020/NQ HĐQT | 09/06/2020 | Thông qua thời gian, địa điểm, tài liệu ĐHCĐ 2020 |
| 11 | 24062020/NQ HĐQT | 24/06/2020 | Thông qua hạn mức đầu tư, vay vốn và ký hợp đồng Kiểm toán với EY |
| 12 | 20072020/NQ HĐQT | 20/07/2020 | Mua cổ phiếu phát hành thêm của TVAM |
| 13 | 20072020/NQ HĐQT | 20/07/2020 | Thu hồi cổ phiếu ESOP |
| 14 | 20072020/NQ HĐQT | 20/07/2020 | Phê duyệt đầu tư vào CTCP Galaxy Education |
| 15 | 03082020/NQ HĐQT | 03/08/2020 | Thông qua TVS mua thêm 10 triệu cổ phiếu mới của TVAM |
| 16 | 10082020/NQ HĐQT | 10/08/2020 | Phê duyệt đầu tư vào CTCP Xếp hạng tín nhiệm Thiên Minh |
| 17 | 10082020/NQ HĐQT | 10/08/2020 | Phê duyệt đầu tư vào CTCP Finsight |
| 18 | 12082020/NQ HĐQT | 12/08/2020 | Phê duyệt thực hiện giao dịch phái sinh lãi suất với ngân hàng |
| 19 | 24082020/NQ HĐQT | 24/08/2020 | Phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2019 và cổ phiếu thưởng |
| 20 | 14092020/NQ HĐQT | 14/09/2020 | Ký hợp đồng vay vốn với Bên liên quan là CTCP Xếp hạng tín nhiệm Thiên Minh |
| 21 | 04112020/NQ HĐQT | 04/11/2020 | Tăng vốn điều lệ và sửa đổi điều lệ |
| 22 | 20112020/NQ HĐQT | 20/11/2020 | Thông qua phương án vay vốn USD |
| 23 | 23112020/NQ HĐQT | 23/11/2020 | TVS chuyển nhượng 1.300.000 CC quỹ FUCTVGF2 cho TVAM |

BAN KIỂM SOÁT

| Số | Họ tên | Chức vụ | Tỷ lệ sở hữu 09/04/2020 |
|----|-------------------------|------------|----------------------------|
| 1 | Ông Đỗ Việt Hùng | Trưởng ban | 0.0% |
| 2 | Bà Trần Thị Hồng Nhung | Thành viên | 0.2% |
| 3 | Bà Đồng Thị Phương Liên | Thành viên | 0.0% |

Hoạt động Ban kiểm soát

Năm 2020, BKS đã thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ TVS, Quy chế quản trị nội bộ và về quy chế hoạt động của BKS, góp phần cùng Ban Điều hành (“BDH”) TVS triển khai kế hoạch kinh doanh và các nội dung liên quan được Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thông qua. Ban Kiểm Soát đã phối hợp tốt với Hội đồng quản trị (“HĐQT”), BDH mà không để ảnh hưởng hoặc gây trở ngại đến hoạt động kinh doanh của TVS.

Kết quả giám sát HĐQT và BDH năm 2020

Trong năm 2020, BKS nhận định HĐQT và BDH TVS đã triển khai và thực hiện nghiêm chỉnh tất cả những nghị quyết của ĐHCĐ năm 2020 trong khuôn khổ pháp lý của luật Chứng khoán, luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Công ty. Trong quá trình kiểm soát định kỳ hay đột xuất trong năm 2020, Ban Kiểm Soát không phát hiện các trường hợp bất thường nào gây thiệt hại cho cổ đông từ các thành viên của HĐQT và BDH. Điểm đáng lưu ý là đã hơn mười (10) năm liên tục, TVS không hề có bất kỳ sự cố lớn hay nhỏ trong hoạt động kinh doanh cũng như không bị Ủy Ban Chứng Khoán phạt vì bất kỳ vi phạm lớn nhỏ trong luật Chứng Khoán.

TVS đã không ngừng khẳng định là một công ty chứng khoán niêm yết rất an toàn và đáng tin tưởng. Kết quả kinh doanh năm 2020 là một kết quả rất ấn tượng vì vượt mọi kỷ lục về doanh thu và lợi nhuận từ ngày TVS được thành lập đến nay. Đây là thành tựu của những định hướng chiến lược lâu dài, vững chắc và sáng suốt của HĐQT trong nhiệm vụ lèo lái con thuyền TVS và đã được BDH triển khai và vận hành xuất sắc. Ngoài ra, TVS liên tục củng cố và nâng cấp nhân sự tại HĐQT cũng như BDH.

Kết luận

Như đã trình bày trên đây, năm 2020 là năm kỷ lục của TVS về kết quả kinh doanh. Vì vậy, cho năm 2021, BKS kiến nghị:

- TVS tích cực bảo vệ thành quả đạt được của năm 2020 để khẳng định kết quả về mọi mặt có tính chất cơ bản và lâu dài chứ không nhờ thời thế thị trường tăng trưởng ngắn hạn. Và đặc biệt duy trì hình ảnh hơn 10 năm về một công ty chứng khoán không tỳ vết, an toàn và đáng tin tưởng của thị trường
- Với đội ngũ nhân sự cấp cao mới bổ sung, và dựa trên nền tảng vững chắc đã được dày công xây dựng, TVS có đủ lực để bành trướng những ngành nghề cốt lõi hiện nay (Tự doanh, Quản lý Quỹ, Nguồn vốn, v.v.) và triển khai phát triển sang những ngành nghề tiềm năng đã ấp ủ nhiều năm (Tư vấn, Chứng khoán thu nhập cố định, Khách hàng tổ chức, v.v.)
- Từ vị trí một công ty thích hợp (niche company) trở thành con thuyền tiến ra đại dương lớn.
- Chi phí hoạt động của BKS năm 2021 vẫn giữ 300 (Ba trăm) triệu bằng các năm 2018-2020

BAN GIÁM ĐỐC



Bà Nguyễn Thanh Thảo - Tổng giám đốc

Bà Thảo có bằng Cử nhân Kinh tế loại ưu tại Đại học Ngoại giao Moscow (MGIMO), Nga và bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại California, Hoa Kỳ. Trước khi được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc TVS vào năm 2013, bà Thảo là Giám đốc Chi nhánh từ năm 2009. Bà từng là Chuyên viên Phân tích Tài chính Cấp cao tại Ameriquest Capital Holding và là Quản lý văn phòng luật cho Văn phòng luật sư Liebovitz & Do tại Hoa Kỳ.



Ông Lê Quang Tiến - Kế toán trưởng

Ông Tiến có bằng Cử nhân Quản trị Kinh doanh tại Đại học Quốc gia Hà Nội. Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán, giữ vai trò lãnh đạo tại một số công ty tại Việt Nam. Trước khi gia nhập TVS vào năm 2007, ông là Kế toán trưởng của Bao bì Hanpack và Giám đốc Tài chính của Vista.



Giao dịch các bên liên quan

| STT | Người thực hiện giao dịch | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-----|---------------------------|---------------------------|-----------|----------------------------|-----------|--|
| | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ (*) | Số cổ phiếu | Tỷ lệ (*) | |
| 1 | Nguyễn Trung Hà | 18.650.826 | 29,4% | 23.454.909 | 29,2% | Mua/Cổ tức bằng cổ phiếu/Cổ phiếu thưởng |
| 2 | CTCP Giản Đơn | 0 | 0 | 150.000 | 0,2% | Quyền mua cổ phiếu |
| 3 | Nguyễn Trung Thành | 75.585 | 0,1% | 75.585 | 0,1% | Quyền mua cổ phiếu |
| 4 | Nguyễn Nhân | 145.942 | 0,2% | 145.942 | 0,2% | Chuyển nhượng quyền mua |
| 5 | Phan Thanh Diện | 1.708.202 | 2,1% | 1.708.202 | 2,1% | Chuyển nhượng quyền mua |
| | | 1.752.940 | 1,9% | 1.672.940 | 1,8% | Bán cổ phiếu |

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Thời điểm giao dịch | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT | Tổng giá trị giao dịch | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------|-----------------------------------|---------------------|---|------------------------|---|
| 1 | Công ty Xếp Hàng Tín Nhiệm Thiên Minh | Bên liên quan | 14/09/2020 | 14092020/ NQ-HĐQT ngày 14/09/2020 | 21 tỷ đồng | Ký hợp đồng vay vốn với Bên liên quan là CTCP Xếp hạng tín nhiệm Thiên Minh |

Thu nhập

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty và Công ty con trong năm là 7.286.838.545 đồng (năm trước: 5.718.220.182 đồng).

Quản trị doanh nghiệp

Các khóa đào tạo về quản trị công ty có sự tham gia của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), các cán bộ quản lý và thư ký khác theo quy định về quản trị công ty

Hoạt động thành viên HĐQT độc lập không điều hành

TVS có bốn thành viên độc lập và một thành viên quản lý điều hành, giúp Hội đồng quản trị đưa ra các quyết định một cách khách quan và độc lập. Có bốn thành viên Hội đồng quản trị tham gia vào các Tiểu ban. Vì vậy, ngoài nhiệm vụ chung của Hội đồng quản trị, các thành viên này còn đảm nhận nhiều vai trò khác nhau trong Tiểu ban.

Hà Nội ngày 19 tháng 04 năm 2021

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN TRUNG HÀ

A close-up photograph of a laptop screen displaying a financial trading platform. The screen is divided into two main sections. On the left, there is a candlestick price chart for a stock, showing price fluctuations over time. On the right, there is a list of stocks with their symbols, current prices, and percentage changes. The text 'BÁO CÁO TÀI CHÍNH' is overlaid in large white letters across the center of the screen. The background is softly blurred, showing a desk lamp and a decorative figurine.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2020

B01-CTCK/HN

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|------------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 3.892.844.859.085 | 2.971.798.213.940 |
| 110 | I. Tài sản tài chính | | 3.879.482.801.748 | 2.970.838.573.326 |
| 111 | 1. Tiền và các khoản tương đương tiền | 4 | 130.048.049.208 | 24.829.105.610 |
| 111.1 | 1.1 Tiền | | 128.048.049.208 | 16.329.105.610 |
| 111.2 | 1.2 Các khoản tương đương tiền | | 2.000.000.000 | 8.500.000.000 |
| 112 | 2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) | 6.1 | 744.628.744.820 | 524.481.467.309 |
| 113 | 3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) | 6.3 | 2.642.650.000.000 | 2.170.484.153.005 |
| 114 | 4. Các khoản cho vay | 6.4 | 182.762.276.608 | 164.228.754.587 |
| 115 | 5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 6.2 | 64.845.213.882 | 38.847.363.882 |
| 116 | 6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp | 6.6 | (2.934.808.718) | (2.934.808.718) |
| 117 | 7. Các khoản phải thu | 7 | 106.520.353.423 | 37.077.761.928 |
| 117.1 | 7.1 Phải thu bán các tài sản tài chính | | 8.225.159.100 | 212.020.000 |
| 117.2 | 7.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính | | 98.295.194.323 | 36.865.741.928 |
| 117.4 | 7.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận | | 98.295.194.323 | 36.865.741.928 |
| 118 | 8. Trả trước cho người bán | 8 | 5.276.302.925 | 7.511.050.000 |
| 119 | 9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp | 9 | 5.621.525.600 | 6.294.645.723 |
| 122 | 10. Các khoản phải thu khác | | 65.144.000 | 19.080.000 |
| 130 | II. Tài sản ngắn hạn khác | | 13.362.057.337 | 959.640.614 |
| 131 | 1. Tạm ứng | | 557.500.000 | 7.500.000 |
| 133 | 2. Chi phí trả trước ngắn hạn | 10 | 2.775.768.506 | 952.140.614 |
| 134 | 3. Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 13 | 10.000.000.000 | - |
| 135 | 4. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 20 | 28.788.831 | - |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 18.235.514.292 | 14.941.571.097 |
| 220 | I. Tài sản cố định | | 1.934.698.689 | 3.861.574.265 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 11 | 1.067.507.529 | 2.274.415.519 |
| 222 | 1.1 Nguyên giá | | 20.063.303.348 | 19.787.637.347 |
| 223a | 1.2 Giá trị hao mòn lũy kế | | (18.995.795.819) | (17.513.221.828) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | 12 | 867.191.160 | 1.587.158.746 |
| 228 | 2.1 Nguyên giá | | 12.946.036.309 | 12.183.276.309 |
| 229a | 2.2 Giá trị hao mòn lũy kế | | (12.078.845.149) | (10.596.117.563) |
| 240 | II. Chi phí xây dựng dở dang | | 5.283.757.600 | 255.796.481 |
| 250 | III. Tài sản dài hạn khác | | 11.017.058.003 | 10.824.200.351 |
| 251 | 1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn | 13 | 1.214.648.695 | 1.135.924.539 |
| 252 | 2. Chi phí trả trước dài hạn | 10 | 1.789.880.291 | 1.777.093.242 |
| 253 | 3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 14 | 2.136.564.460 | 2.136.564.460 |
| 254 | 4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán | 15 | 5.875.964.557 | 5.318.026.330 |
| 256 | 5. Lợi thế thương mại | 16 | - | 456.591.780 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 3.911.080.373.377 | 2.986.739.785.037 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020

B01-CTCK/HN

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|------------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 2.602.902.888.790 | 2.006.461.814.542 |
| 310 | I. Nợ phải trả ngắn hạn | | 2.555.701.623.729 | 2.000.228.862.079 |
| 311 | 1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn | | 2.477.820.902.000 | 1.956.448.000.000 |
| 312 | 1.1 Vay ngắn hạn | 19 | 2.477.820.902.000 | 1.956.448.000.000 |
| 318 | 2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | 17 | 503.464.728 | 322.867.974 |
| 320 | 3. Phải trả người bán ngắn hạn | 18 | 8.316.191.065 | 1.302.878.217 |
| 321 | 4. Người mua trả tiền trước | | 12.000.000 | 12.000.000 |
| 322 | 5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 20 | 27.462.650.609 | 19.445.695.603 |
| 323 | 6. Phải trả người lao động | | 15.776.172.696 | 8.058.314.818 |
| 325 | 7. Chi phí phải trả ngắn hạn | 21 | 9.211.004.423 | 12.107.326.634 |
| 329 | 8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 22 | 10.724.934.304 | 1.677.680.351 |
| 331 | 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 23 | 5.874.303.904 | 854.098.482 |
| 340 | II. Nợ phải trả dài hạn | | 47.201.265.061 | 6.232.952.463 |
| 341 | 1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính dài hạn | | 20.000.000.000 | - |
| 342 | 1.1 Vay dài hạn | 19 | 20.000.000.000 | - |
| 356 | 2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 14 | 27.201.265.061 | 6.232.952.463 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 1.308.177.484.587 | 980.277.970.495 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | | 1.308.177.484.587 | 980.277.970.495 |
| 411 | 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | 982.462.781.300 | 810.367.431.300 |
| 411.1 | 1.1 Vốn góp của chủ sở hữu | | 982.351.740.000 | 801.247.000.000 |
| 411.1a | 1.1.1 Cổ phiếu phổ thông | | 982.351.740.000 | 801.247.000.000 |
| 411.2 | 1.2 Thặng dư vốn cổ phần | | 111.041.300 | 9.120.431.300 |
| 414 | 2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | | 18.097.816.228 | 6.691.838.341 |
| 415 | 3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ | | 54.917.083.228 | 43.511.105.341 |
| 417 | 4. Lợi nhuận chưa phân phối | 24.2 | 252.354.946.125 | 119.403.975.363 |
| 417.1 | 4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện | | 143.755.547.216 | 94.501.733.516 |
| 417.2 | 4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện | | 108.599.398.909 | 24.902.241.847 |
| 418 | 5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 25 | 344.857.706 | 303.620.150 |
| 440 | TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 3.911.080.373.377 | 2.986.739.785.037 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020

B01-CTCK/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|-------|--|-------------|-----------------|-----------------|
| | A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (CTCK) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT | | | |
| 004 | 1. Nợ khó đòi đã xử lý | 26.1 | 38.032.022.388 | 38.032.022.388 |
| 005 | 2. Ngoại tệ các loại | 26.2 | 1.895.748.419 | 2.503.439.765 |
| 006 | 3. Cổ phiếu đang lưu hành (*) | 26.3 | 98.235.174 | 80.124.700 |
| 008 | 4. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của CTCK | 26.4 | 204.534.450.000 | 199.791.220.000 |
| 009 | 5. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của CTCK | 26.5 | 1.560.000 | 1.470.000 |
| 010 | 7. Tài sản tài chính chờ về của CTCK | 26.6 | 2.275.000.000 | 563.900.000 |
| 012 | 8. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của CTCK | 26.7 | 94.542.363.882 | 193.754.750.000 |

(*) Số dư các tài khoản này thể hiện số lượng chứng khoán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020

B01-CTCK/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|-------|--|-------------|-------------------|-------------------|
| | B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG | | | |
| 021 | 1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của Nhà đầu tư | 26.8 | 1.242.210.310.000 | 1.119.933.770.000 |
| 021.1 | a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng | | 1.134.172.740.000 | 1.033.658.380.000 |
| 021.2 | b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng | | 7.599.140.000 | 2.575.990.000 |
| 021.3 | c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố | | 79.200.000.000 | 79.200.000.000 |
| 021.5 | d. Tài sản tài chính chờ thanh toán | | 21.238.430.000 | 4.499.400.000 |
| 022 | 2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của Nhà đầu tư | 26.9 | 8.368.420.000 | 8.488.190.000 |
| 022.1 | a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng | | 8.368.420.000 | 8.488.190.000 |
| 023 | 3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư | 26.10 | 21.444.800.000 | 3.224.100.000 |
| 025 | 4. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư | 26.11 | 803.830.000 | 661.310.000 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020

B01-CTCK/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|-------|--|-------------|-----------------|----------------|
| | B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo) | | | |
| 026 | 5. Tiền gửi của khách hàng | 26.12 | 161.351.884.867 | 63.167.204.628 |
| 027 | 5.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | | 161.343.116.615 | 63.158.058.860 |
| 029 | 5.2 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán | | 8.768.252 | 9.145.768 |
| 029.1 | a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước | | 8.731.620 | 8.911.449 |
| 029.2 | b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài | | 36.632 | 234.319 |
| 031 | 6. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 26.13 | 161.351.884.867 | 63.167.204.628 |
| 031.1 | 6.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | | 161.042.390.056 | 62.423.988.031 |
| 031.2 | 6.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | | 309.494.811 | 743.216.597 |
| 035 | 7. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu | 26.14 | 1.641.438.595 | 1.661.928.385 |

Bà Hoàng Khánh Ly
Người lập

Ông Lê Quang Tiến
Kế toán Trưởng



Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B02-CTCK/HN

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-------|---|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG | | | |
| 01 | 1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) | | 440.918.024.899 | 226.769.946.808 |
| 01.1 | 1.1 Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL | 27.1 | 215.413.076.538 | 107.138.281.357 |
| 01.2 | 1.2 Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL | 27.2 | 216.013.773.544 | 101.690.300.781 |
| 01.3 | 1.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL | 27.3 | 9.491.174.817 | 17.941.364.670 |
| 02 | 2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) | 27.3 | 138.845.905.334 | 132.775.025.491 |
| 03 | 3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu | 27.3 | 21.381.736.309 | 24.138.492.582 |
| 06 | 4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán | | 19.679.213.633 | 8.438.200.861 |
| 08 | 5. Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán | | 260.570.466 | - |
| 09 | 6. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán | | 655.063.478 | 468.696.483 |
| 10 | 7. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính | | 10.204.090.909 | 29.444.037.909 |
| 11 | 8. Thu nhập hoạt động khác | 29 | 3.374.415.290 | 3.473.605.749 |
| 20 | Cộng doanh thu hoạt động | | 635.319.020.318 | 425.508.005.883 |
| | II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG | | | |
| 21 | 1. Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) | | (146.910.819.627) | (127.122.361.152) |
| 21.1 | 1.1 Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL | 27.1 | (35.121.226.472) | (40.556.013.183) |
| 21.2 | 1.2 Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL | 27.2 | (111.548.110.583) | (86.426.910.936) |
| 21.3 | 1.3 Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL | | (241.482.572) | (139.437.033) |
| 24 | 2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay | 28 | (15.137.897.762) | (16.383.493.831) |
| 26 | 3. Chi phí hoạt động tự doanh | 30 | (11.370.563.764) | (3.638.742.328) |
| 27 | 4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán | 31 | (17.926.386.451) | (14.342.413.261) |
| 30 | 5. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán | | (434.703.241) | (470.648.677) |
| 31 | 6. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính | 32 | (14.471.569.430) | (6.342.939.871) |
| 32 | 7. Chi phí các dịch vụ khác | 33 | (8.364.996.571) | (4.626.847.371) |
| 40 | Cộng chi phí hoạt động | | (214.616.936.846) | (172.927.446.491) |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B02-CTCK/HN

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay VND | Năm trước VND |
|------------|---|-------------|--------------------------|-------------------------|
| | III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 41 | 1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện | | 7.233.519 | 10.359.609 |
| 42 | 2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định | | 818.984.422 | 1.343.053.879 |
| 50 | Cộng doanh thu hoạt động tài chính | 34 | 826.217.941 | 1.353.413.488 |
| | IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH | | | |
| 51 | 1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện | | (10.580.955) | (13.787.081) |
| 52 | 2. Chi phí lãi vay | | (107.703.685.214) | (95.133.873.882) |
| 60 | Cộng chi phí tài chính | 35 | (107.714.266.169) | (95.147.660.963) |
| 62 | V. CHI PHÍ QUẢN LÝ | 36 | (25.141.969.152) | (21.782.728.575) |
| 70 | VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG | | 288.672.066.092 | 137.003.583.342 |
| | VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC | | | |
| 71 | 1. Thu nhập khác | | 15.121 | 1.395.005 |
| 72 | 2. Chi phí khác | | (329.752) | (4.976.459) |
| 80 | Cộng kết quả hoạt động khác | 37 | (314.631) | (3.581.454) |
| 90 | VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ | | 288.671.751.461 | 137.000.001.888 |
| 91 | 1. Lợi nhuận đã thực hiện | | 184.011.796.007 | 121.736.612.043 |
| 92 | 2. Lợi nhuận chưa thực hiện | | 104.659.955.454 | 15.263.389.845 |
| 100 | IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN) | 38 | (56.002.031.947) | (26.765.981.580) |
| 100.1 | 1. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 38.2 | (35.033.719.349) | (23.713.303.610) |
| 100.2 | 2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 38.3 | (20.968.312.598) | (3.052.677.970) |
| 200 | X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN | | 232.669.719.514 | 110.234.020.308 |
| 201 | 1. Lợi nhuận sau thuế phân bổ chủ sở hữu | | 232.635.216.798 | 110.235.132.302 |
| 203 | 2. Lợi nhuận/(lỗ) thuần phân bổ cho lợi ích của cổ đông không kiểm soát | | 34.502.716 | (1.111.994) |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B02-CTCK/HN

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-------|--|-------------|------------------------|------------------------|
| 400 | TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN HỢP NHẤT | | 232.669.719.514 | 110.234.020.308 |
| 401 | 1. Thu nhập toàn diện phân bổ cho chủ sở hữu | | 232.635.216.798 | 110.235.132.302 |
| 402 | 2. Thu nhập/(lỗ) toàn diện phân bổ cho cổ đông không nắm quyền kiểm soát | | 34.502.716 | (1.111.994) |
| 500 | XI. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG | | 232.635.216.798 | 110.235.132.302 |
| 501 | 1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | 39.4 | 2.661 | 1.337 |
| 502 | 2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | 39.4 | 2.464 | 1.320 |

Bà Hoàng Khánh Ly
Người lập

Ông Lê Quang Tiến
Kế toán Trưởng



Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B03b-CTCK/HN

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-------|--|-------------|--------------------------|----------------------------|
| | I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | 1. Lợi nhuận trước Thuế TNDN | | 288.671.751.461 | 137.000.001.888 |
| 02 | 2. Điều chỉnh cho các khoản | | 31.405.563.536 | 63.762.437.264 |
| 03 | - Khấu hao TSCĐ và phân bổ lợi thế thương mại | | 3.421.893.357 | 5.104.705.310 |
| 06 | - Chi phí lãi vay | | 107.703.685.214 | 95.133.873.882 |
| 08 | - Dự thu tiền lãi | | (79.720.015.035) | (36.476.141.928) |
| 10 | 3. Tăng các chi phí phi tiền tệ | | 111.548.110.583 | 86.426.910.936 |
| 11 | - Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL | 27.2 | 111.548.110.583 | 86.426.910.936 |
| 18 | | | (216.013.773.544 |) (101.690.300.781) |
| 19 | 4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ | | (216.013.773.544) | (101.690.300.781) |
| | - Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL | 27.2 | (216.013.773.544) | (101.690.300.781) |
| 30 | 5. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | (745.947.517.828) | (470.583.656.015) |
| 31 | - Tăng tài sản tài chính FVTPL | | (115.681.614.550) | (103.822.861.123) |
| 32 | - Tăng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn HTM | | (472.165.846.995) | (301.763.571.241) |
| 33 | - (Tăng)/giảm các khoản cho vay | | (18.533.522.021) | 9.824.710.570 |
| 34 | - Tăng tài sản sẵn tài chính sẵn sàng để bán AFS | | (25.997.850.000) | (8.000.000.000) |
| 35 | - (Tăng)/giảm phải thu bán các tài sản tài chính | | (8.013.139.100) | 16.260.810.000 |
| 36 | - Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính | | 18.290.562.640 | 86.636.122.488 |
| 37 | - Giảm/(tăng) phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp | | 673.120.123 | (6.093.923.569) |
| 39 | - Giảm/(tăng) các khoản phải thu khác | | 2.159.894.244 | (7.360.555.701) |
| 40 | - Tăng các tài sản khác | | (1.107.938.227) | (603.573.972) |
| 41 | - Tăng/(giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay) | | 75.200.000 | (170.000.000) |
| 42 | - Tăng chi phí trả trước | | (1.836.414.941) | (485.944.758) |
| 43 | - Thuế TNDN đã nộp | 20 | (29.902.105.624) | (43.959.919.080) |
| 44 | - Lãi vay đã trả | | (110.675.207.425) | (96.625.286.372) |
| 45 | - Tăng/(giảm) phải trả cho người bán | | 7.013.312.848 | (439.281.899) |
| 47 | - Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp) | | 2.885.341.281 | (671.760.641) |
| 48 | - Tăng/(giảm) phải trả người lao động | | 7.717.857.878 | (2.866.980.624) |
| 50 | - Tăng phải trả phải nộp khác | | 9.229.556.197 | 142.979.647 |
| 52 | - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | | (10.078.724.156) | (10.584.619.740) |
| 60 | Tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh | | (530.335.865.792 |) (285.084.606.708) |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B03b-CTCK/HN

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-------|--|-------------|------------------------|-------------------------|
| | II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 61 | Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác | | (6.066.387.120) | (527.446.481) |
| 70 | Tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư | | (6.066.387.120) | (527.446.481) |
| | III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 71 | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | | 100.280.000.000 | 21.811.500.000 |
| 73 | Tiền vay gốc | | 12.444.519.147.000 | 11.403.125.929.364 |
| 73.2 | - Tiền vay khác | | 12.444.519.147.000 | 11.403.125.929.364 |
| 74 | Tiền chi trả nợ gốc vay | | (11.903.146.245.000) | (11.168.702.929.364) |
| 74.3 | - Tiền chi trả gốc vay khác | | (11.903.146.245.000) | (11.168.702.929.364) |
| 76 | Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | | (31.705.490) | (31.626.417.350) |
| 80 | Tiền thuần từ hoạt động tài chính | | 641.621.196.510 | 224.608.082.650 |
| 90 | TĂNG/(GIẢM) TIỀN THUẦN TRONG NĂM | | 105.218.943.598 | (61.003.970.539) |
| 101 | TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM | 4 | 24.829.105.610 | 85.833.076.149 |
| 101.1 | Tiền | | 16.329.105.610 | 69.033.076.149 |
| 101.2 | Các khoản tương đương tiền | | 8.500.000.000 | 16.800.000.000 |
| 103 | TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM | 4 | 130.048.049.208 | 24.829.105.610 |
| 103.1 | Tiền | | 128.048.049.208 | 16.329.105.610 |
| 103.2 | Các khoản tương đương tiền | | 2.000.000.000 | 8.500.000.000 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B03b-CTCK/HN

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-------|--|-------------|------------------------|-------------------------|
| 01 | I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng | | | |
| 02 | 1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng | | 1.100.482.046.400 | 951.174.333.350 |
| 07 | 2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng | | (1.016.903.661.300) | (699.367.299.100) |
| 08 | 3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng | | 5.155.427.942.885 | 1.316.698.598.356 |
| 11 | 4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng | | (5.155.037.539.017) | (1.699.885.939.638) |
| 14 | 5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng | | (465.655.499) | (442.547.780) |
| 15 | 6. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán | | 54.342.734.770 | 60.260.264.134 |
| 20 | 7. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán | | (39.661.188.000) | (2.644.118.200) |
| 20 | Tăng tiền thuần trong năm | | 98.184.680.239 | (74.206.708.878) |
| 30 | II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng | 26.12 | 63.167.204.628 | 137.373.913.506 |
| 31 | Tiền gửi ngân hàng đầu năm: | | 63.167.204.628 | 137.373.913.506 |
| 32 | - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | | 63.158.058.860 | 137.363.335.613 |
| 34 | - Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán | | 9.145.768 | 10.577.893 |
| 40 | III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng | 26.12 | 161.351.884.867 | 63.167.204.628 |
| 41 | Tiền gửi ngân hàng cuối năm: | | 161.351.884.867 | 63.167.204.628 |
| 42 | - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | | 161.343.116.615 | 63.158.058.860 |
| 44 | - Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán | | 8.768.252 | 9.145.768 |

Bà Hoàng Khánh Ly
Người lập

Ông Lê Quang Tiến
Kế toán Trưởng

Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2021